

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	iv
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Sự cần thiết của công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	1
2. Mục đích của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	1
3. Căn cứ pháp lý	2
4. Nội dung lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm	4
5. Tổ chức thực hiện và sản phẩm giao nộp	6
5.1. Tổ chức thực hiện	6
5.2. Sản phẩm giao nộp	6
I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN	7
1.1. Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất	7
1.1.1 Điều kiện tự nhiên	7
1.1.2. Khí hậu	7
1.1.3 Thực trạng cảnh quan và môi trường	8
1.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	9
1.2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	9
1.2.2. Về văn hóa - xã hội	11
1.2.3. Về Quốc phòng – an ninh	12
1.2.4. Công tác nội chính – xây dựng chính quyền	13
II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	14
2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024	14
2.2. Kết quả thực hiện công trình dự án	16
2.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất sử dụng	27
2.4. Kết quả thu hồi đất	36
2.5. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất	36
2.6. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ giải pháp	37
2.7. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	37
2.8. Đánh giá những mặt đạt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	38

2.8.1. Những mặt đạt được	38
2.8.2. Những tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	38
2.8.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện KHSDĐ năm 2024	39
2.8.4. Bài học kinh nghiệm	39
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	40
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã.....	40
3.2. Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân	42
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	43
3.4. Diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch	52
3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch	53
3.6. Diện tích lấn biển đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch.....	54
3.7. Danh mục các công trình dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch	55
3.8 Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất	59
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	60
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.....	60
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất;.....	60
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	61
4.4. Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện	62
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	64
KẾT LUẬN	64
KIẾN NGHỊ	64

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
1	KH	Kế hoạch
2	HT	Hiện trạng
3	TH	Tiểu học
4	KQTH	Kết quả thực hiện
5	HĐND	Hội đồng nhân dân
6	THCS	Trung học cơ sở
7	UBND	Ủy ban nhân dân
8	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
9	XDCB	Xây dựng cơ bản
10	BHYT	Bảo hiểm y tế
11	BHXH	Bảo hiểm xã hội
12	NQ	Nghị quyết
13	KTQP	Kinh tế quốc phòng
14	QK9	Quân khu 9
15	BCH	Ban chỉ huy
16	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
17	KHSDĐ	Kế hoạch sử dụng đất
18	QHSDĐ	Quy hoạch sử dụng đất
19	GCNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
20	QĐ	Quyết định
21	VPHU	Văn phòng Huyện Ủy

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Chỉ tiêu sử dụng đất, mã ký hiệu trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện	5
Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023	15
Bảng 4. Danh mục công trình dự án thực hiện xong trong KHSDĐ năm 2024	17
Bảng 5. Danh mục công trình hủy thực hiện trong KHSDĐ năm 2024	17
Bảng 6. Danh mục công trình điều chỉnh từ KHSDĐ năm 2022, 2023 sang thực hiện trong năm 2025.....	19
Bảng 7. Danh mục công trình chuyển tiếp	20
Bảng 8. Kết quả chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân trong KHSDĐ năm 2024.....	27
Bảng 9. Diện tích chuyển tiếp sang KHSDĐ năm 2025	27
Bảng 10. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Kiên Hải.....	27
Bảng 11. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp năm 2024 huyện Kiên Hải.....	27
Bảng 12. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp năm 2024 huyện Kiên Hải..	29
Bảng 13. Kết quả thực hiện đất chưa sử dụng năm 2024.....	35
Bảng 14. Kết quả thu hồi đất năm 2024.....	36
Bảng 15. Diện tích chuyển mục đích đã thực hiện	36
Bảng 17. Danh mục công trình đăng ký mới	41
Bảng 18. Chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Hải	41
Bảng 19. Nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân năm 2025	43
Bảng 20. Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 so với hiện trạng sử dụng đất năm 2024 ...	43
Bảng 21. Diện tích đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025	52
Bảng 22. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2025	53
Bảng 23. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch.....	53
Bảng 24. Dự kiến thu chi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Hải.....	59

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết của công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

Đất đai là tài sản hữu hạn, tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực, nguồn vốn to lớn, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn phân bố dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng; có ý nghĩa kinh tế, xã hội sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Bên cạnh đó, đất là điều kiện vật chất cần thiết để tồn tại và tái sản xuất các thế hệ tiếp nhau của loài người. Quá trình khai thác sử dụng đất đai luôn gắn liền với quá trình phát triển xã hội. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng đất càng cao, trong khi đó đất đai lại có hạn, chính vì vậy việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bền vững luôn là nhu cầu cấp thiết, đòi hỏi phải hoạch định kỹ càng và khoa học.

Thực hiện quy định của Luật Đất đai năm 2024 tại Khoản 4, Điều 62 quy định “Thời kỳ kế hoạch sử dụng đất quốc gia, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh là 05 năm; kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được lập hàng năm” và khoản 3, Điều 76 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương”. Để có cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn, kịp thời phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm, Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải tiến hành lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện.

Thông qua công tác rà soát kế hoạch sử dụng đất, huyện sẽ đánh giá được tình hình thực hiện các dự án, việc chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn; từ đó đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại vướng mắc, hạn chế trong quá trình thực hiện; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm, đề ra các giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong những năm tới đạt kết quả.

Từ những lý do nêu trên, việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Hải là cần thiết và cấp bách.

2. Mục đích của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024;
- Xác định nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành trong năm 2025 để đưa ra phương án kế hoạch sử dụng đất khả thi;
- Phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kế hoạch sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính;
- Làm cơ sở để UBND huyện cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;
- Tạo căn cứ pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025 cho các đối tượng sử dụng đất trên địa bàn huyện;
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021-2025 của huyện;
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện phải đảm bảo quy trình, quy phạm về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;
- Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;
- Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
- Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
- Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng

đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; Danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch thực hiện trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Công văn số 197/UBND-KT ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc triển khai công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện;

- Công văn số 1910/STNMT-ĐĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 theo pháp luật về đất đai 2024;

*** Tài liệu liên quan**

- Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20 tháng 04 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Kiên Hải 5 năm giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Kiên Hải;

- Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Kiên Hải;

- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Kiên Hải;

- Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về phê duyệt danh mục từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn thu tinh bổ sung để sửa chữa, xây mới và trả nợ các công trình trên địa bàn huyện năm 2024;

- Thông báo số 51/TB-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất cho kỳ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

- Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải về việc Triển khai thực hiện công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

- Báo cáo số 354/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải về Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2025;

- Kết quả thống kê đất đai năm 2023 huyện Kiên Hải;

- Nhu cầu sử dụng đất và quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch 2024 của huyện;

- Các tài liệu bản đồ và các dự án liên quan trên địa bàn huyện.

4. Nội dung lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Nội dung lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bao gồm các nội dung chính sau:

- Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu;

- Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất của cấp huyện;

- Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước;

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện;

- Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất.

Chỉ tiêu sử dụng đất, mã ký hiệu, loại đất được phân bổ được xác định, được xác định bổ sung trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện như sau:

Bảng 1. Chỉ tiêu sử dụng đất, mã ký hiệu trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu quốc gia	Chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	x	x
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	x	x
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	0	x
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	0	x
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	0	x
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0	x
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	x	x
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	x	x
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0	x
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	x	x
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0	x
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	0	x
1.9	Đất làm muối	LMU	0	x
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	0	x
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	x	x
	Trong đó:			
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0	x
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0	x
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0	x
2.4	Đất quốc phòng	CQP	x	0
2.5	Đất an ninh	CAN	x	0
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0	x
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0	x
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0	x
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0	x
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0	x
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0	x
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0	x
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	0	x
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	0	x
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0	x
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0	x
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0	x
2.7.1	Đất khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp	SCC	0	x
2.7.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	0	x
2.7.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	0	x
2.7.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	0	x
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0	x
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0	x
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0	x
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	0	x
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	0	x
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	0	x
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0	x
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	0	x
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0	x

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu quốc gia	Chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0	x
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0	x
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0	x
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0	x
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0	x
2.9	Đất tôn giáo	TON	0	x
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0	x
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	0	x
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	0	x
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	0	x
2.12.3	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0	x
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0	x
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	0	x
	Trong đó:		0	x
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	0	x
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	0	x
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	0	x
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	0	x

Trong đó:

x: là chỉ tiêu được xác định, được phân bổ;

0: là chỉ tiêu không được xác định, không được phân bổ;

5. Tổ chức thực hiện và sản phẩm giao nộp

5.1. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Kiên Giang.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan chủ quản đầu tư: UBND huyện Kiên Hải
- Cơ quan chủ đầu tư: Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện.
- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban và UBND cấp xã.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2024

5.2. Sản phẩm giao nộp

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Báo cáo thuyết minh về Kế hoạch sử dụng đất;
- Hệ thống bảng biểu, sơ đồ, bản đồ và dữ liệu kèm theo;
- Quyết định của UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

1.1. Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất

1.1.1 Điều kiện tự nhiên

Kiên Hải Vị trí tiếp giáp với nhiều địa điểm tạo và phân phát du khách quan trọng ở vùng tứ giác Long Xuyên (thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên), biển Tây Nam (đảo Phú Quốc) và vùng Bán đảo Cà Mau (mũi Cà Mau); sở hữu nguồn tài nguyên tự nhiên và văn hóa đa dạng; hệ thống giao thông quanh đảo, ngang đảo đã được đầu tư xây dựng (Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn); có cầu cảng (Lại Sơn, An Sơn, bến nghiêng Hòn Tre) và lưới điện quốc gia (Hòn Tre, Lại Sơn); sự quan tâm đối với ngành du lịch của chính quyền và người dân địa phương tạo thế và lực để Kiên Hải thu hút nhiều du khách trong thời gian qua.

So với nhiều địa phương khác trong vùng biển Tây Nam, thiên nhiên ưu đãi cho Kiên Hải nhiều cảnh quan đẹp để phát triển du lịch sinh thái biển đảo. Nhiều hòn đảo, bãi biển nổi tiếng được khách du lịch biết đến như Bãi Chén (Hòn Tre), Bãi Bàng (Lại Sơn), Bãi Cây Mến (An Sơn), Hòn Mấu (Nam Du)... Những đỉnh núi như Đỉnh Đá Đài (Hòn Tre), đỉnh Ma Thiên Lãnh (Lại Sơn), đỉnh Rada (An Sơn)... Bên cạnh đó, Kiên Hải còn có nhiều tài nguyên du lịch văn hóa gắn với các lễ hội dân gian tạo nét đẹp đặc trưng, độc đáo của văn hóa ngư dân miền biển như: Lễ Ông Nam Hải (Hòn Mấu - Nam Du); đình Nam Hải Ngư thần (Hòn Củ Tron - An Sơn), Miếu bà Chúa Xứ, Đình thờ cá Ông (Hòn Tre); đình Nguyễn Trung Trực, đình thần Nam Hải (Lại Sơn)... Nhiều loại đặc sản biển như cua, ghẹ, nhum, hào, ốc, mực, tôm, cá...; làng nghề sản xuất nước mắm Hòn Sơn, làng nghề lưới ghẹ Hòn Mấu (Nam Du), nuôi cá lồng bè trên biển... cũng tạo sức hút du khách khi đến đây.

Từ những tiềm năng, lợi thế đó, huyện đảo Kiên Hải hướng đến phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo nội lực thúc đẩy nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác 10 cùng phát triển, nâng cao đời sống nhân dân. Các xã đảo của huyện Kiên Hải nằm cách xa nhau và mỗi nơi đều có tiềm năng, lợi thế và vẻ đẹp riêng nên có thể tính đến việc phát triển độc lập các đảo. Hình thành các khu du lịch có phân tầng du khách rõ ràng.

1.1.2. Khí hậu

Huyện Kiên Hải nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, mang đặc tính chung của khu vực Tây Nam bộ, do đó khí hậu của huyện có đặc điểm quanh năm nóng ẩm, lượng mưa phong phú và có sự phân hóa rõ rệt theo mùa.

Năm 2024, do mùa mưa bão năm nay diễn biến phức tạp và khó lường, trên Biển Đông tần suất bão và áp thấp nhiệt đới xuất hiện nhiều hơn, mạnh hơn, ảnh hưởng mưa cục bộ kèm theo lốc đã làm chìm 5 phương tiện, 1 người tử vong, tốc mái 7 căn nhà. Ước tổng thiệt hại khoảng 400 triệu đồng. Ngoài ra, mưa lớn, gió mạnh đã làm nhiều nơi trên địa bàn áp An Cư, áp Bãi Ngự xảy ra tình trạng đất, đá sạt lở tràn ra đường, nhiều cây xanh ngã đổ gây ùn tắc nhiều đoạn đường với tổng chiều dài hơn 1km. Tại

Bãi Đất Đỏ thuộc xã An Sơn xuất hiện vết nứt ở sườn núi, có nguy cơ sạt lở đất tràn vào nhà người dân.

Lãnh đạo Công an huyện Kiên Hải đã chỉ đạo Công an các xã phối hợp cùng lực lượng chức năng tại các xã tăng cường công tác tuyên truyền nhân dân thường xuyên theo dõi, cập nhật tin tức, tình hình thời tiết để có biện pháp bảo đảm an toàn cho người và tài sản như: gia cố, chằng chống nhà cửa, cắt tỉa cành cây, neo đậu, sắp xếp tàu thuyền tại nơi an toàn...; tiến hành rà soát các điểm có nguy cơ sạt lở cao, chủ động di chuyển các hộ dân ra khỏi khu vực nguy hiểm. Đảm bảo lực lượng ứng trực 24/24 để chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng kịp thời hỗ trợ, cứu nạn, cứu hộ khi có tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn, đề nghị Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn tỉnh hỗ trợ 01 hộ nhà bị tốc mái, khắc phục sạt lở đất đá do bão số 4 (bão Pulsasan) gây ra tại xã An Sơn với số tiền 100 triệu đồng.

1.1.3 Thực trạng cảnh quan và môi trường

Trong thời gian qua, công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường được quan tâm chỉ đạo và có bước chuyển biến tích cực; nhận thức trong hệ thống chính trị và nhân dân về chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được nâng lên rõ nét.

Tài nguyên thiên nhiên được tăng cường quản lý; xử lý nghiêm các vi phạm lấn chiếm đất rừng, đất mé bãi mặt nước biển, đất ghềnh đá, hành lang lộ giới và khai thác cát, đá, rạn san hô trái phép... Huy động vốn đầu tư, trang bị 03 xe chở rác chuyên dụng, thành lập Tổ thu gom rác, chọn nơi đổ rác tạm; thực hiện lắp đặt 02 lò đốt rác ở xã Lại Sơn và An Sơn. Xây dựng Đề án và mời gọi doanh nghiệp tham gia thu gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường theo hướng xã hội hóa. Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch “chống rác thải nhựa” trên địa bàn.

Môi trường không khí: Các tác động ảnh hưởng đến chất lượng không khí, gây tiếng ồn trong các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở huyện Kiên Hải đều nhỏ và không phải là vấn đề nghiêm trọng ảnh hưởng đến môi trường sống.

Môi trường nước: Hiện nay dân cư trên các đảo của huyện Kiên Hải chủ yếu sử dụng nước ống dẫn nước từ suối trên núi về, một số hộ sử dụng nước giếng đào, giếng khoan, nhưng hiện nay vẫn chưa thống kê số liệu cụ thể là bao nhiêu giếng khoan và đường ống dẫn nước từ trên suối về. Cần chú trọng khai thác sử dụng nguồn nước từ các khe đá và hạn chế khai thác nước ngầm dưới lòng đất. Bên cạnh đó, rác thải sinh hoạt, dầu nhớt thải ra từ các tàu đánh bắt gây ô nhiễm môi trường biển, ảnh hưởng đến cảnh quan trong phát triển du lịch.

Môi trường nông thôn: Rác thải ở nông thôn chủ yếu là rác thải sinh hoạt và rác thải từ các hoạt động sản xuất như trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm... Đây là nguồn gây ô nhiễm cho môi trường đất; nước và cảnh quan du lịch trên các đảo của huyện Kiên Hải.

Môi trường khu tập trung dân cư: Công tác vệ sinh môi trường được quan tâm, hiện nay 03/04 xã (Hòn Tre, Lại Sơn và An Sơn) được đầu tư lò đốt rác với công suất từ 330kg/giờ trở lên; riêng xã Nam Du được đầu tư 02 lò đốt rác mini. Hệ thống thu

gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đạt 87,79% so với tổng lượng phát sinh.

Môi trường nghĩa trang: Do tập quán từ lâu đời, hình thức mai táng là chôn cất tự phát, chưa có nghĩa trang, nằm chen lẫn trong đất vườn đồi, khu dân cư... ảnh hưởng đến mỹ quan và vệ sinh môi trường đất, chất lượng nước ngầm.

Bên cạnh đó, vấn đề nuôi trồng thủy sản của người dân trên huyện đảo cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường. Dư lượng thức ăn cho cá, rác thải sinh hoạt trên lồng bè đã làm chất lượng nước giảm đi đáng kể.

1.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Trong năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện đã quyết liệt tập trung chỉ đạo thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội; ban hành Quyết định¹ phân công các ngành chuyên môn và UBND các xã thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện², kết quả thực hiện đạt và vượt 15/19 chỉ tiêu (trong đó: Kinh tế 3/7 chỉ tiêu vượt³; 1/7 chỉ tiêu đạt⁴; Văn hóa - xã hội 5/11 chỉ tiêu vượt⁵; 5/11 chỉ tiêu đạt⁶; quốc phòng, an ninh 1/1 chỉ tiêu đạt), cụ thể:

- Giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu ước đạt 4.107,374 tỷ đồng (giá so sánh 2010), đạt 98,51% kế hoạch, bằng 99,5% so với cùng kỳ. Trong đó: Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản ước đạt 2.511,551 tỷ đồng, đạt 97,93% kế hoạch, bằng 98,32% so với cùng kỳ; giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 656,012 tỷ đồng, đạt 100,15% kế hoạch, tăng 2,5% so với cùng kỳ; giá trị xây dựng ước đạt 939,811 tỷ đồng, đạt 98,93% kế hoạch, tăng 0,66% so với cùng kỳ.

- Chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành, sản phẩm nông nghiệp theo hướng nâng lên năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng loại hình sản xuất. Khuyến khích áp dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, mở rộng diện tích các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như: Hồ tiêu, xoài, bơ...; sản lượng thu hoạch các loại cây ăn trái 716 tấn, giá trị sản xuất đạt 16,722 tỷ đồng.

- Chỉ đạo rà soát, nắm lại các tàu cá đang hoạt động trên địa bàn, hiện nay có 1.107 phương tiện (*giảm 64 phương tiện so với cùng kỳ*); qua khảo sát thực tế có 330 tàu 3 không⁷, đến nay, đã cấp được 248/248 tàu đủ điều kiện, đạt 100%; phối hợp với Chi cục kiểm ngư tổ chức 02 đợt tuần tra, kiểm soát, kiểm tra trên khu vực biển Kiên

¹ Số 202/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 về việc phân công thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện Kiên Hải năm 2024.

² Số 322/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và 21/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Kiên Hải năm 2023.

³ (1) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 104,08%; (2) Tổng thu Ngân sách 110,06%; (3) Chi ngân sách 113,582%.

⁴ Chỉ tiêu Nông thôn mới.

⁵ (1) Tỷ lệ giáo dục; (2) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên; (3) Tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động; (4) Tỷ lệ lao động qua đào tạo; (5) Tỷ lệ hộ cận nghèo.

⁶ (1) 4/4 xã có đường ô tô đến trung tâm xã; (2) giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi; (3) tỷ lệ văn hóa; (4) tỷ lệ hộ sử dụng điện; (5) tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh.

⁷ trong đó đủ điều kiện đăng ký 248 tàu, không đủ điều kiện đăng ký 82 tàu.

Hải, phát hiện 17 trường hợp khai thác hải sản vi phạm vùng cấm, nghề cấm⁸. Thực hiện khá tốt các giải pháp hỗ trợ các chủ phương tiện khai thác hải sản vay vốn, khắc phục khó khăn, tiếp tục ra khơi,... sản lượng khai thác ước đạt 41.255 tấn, đạt 85,95%, bằng 96,61% so với cùng kỳ; ước giá trị sản xuất khai thác hải sản 2.235,740 tỷ đồng (Giá so sánh 2010), đạt 97,29% kế hoạch, bằng 96,11% so với cùng kỳ.

- Tăng cường khai thác tốt tiềm năng, lợi thế về phát triển nuôi trồng thủy sản quanh các đảo nhằm bù đắp cho sụt giảm trong khai thác hải sản, tạo điều kiện cho các hộ dân vay vốn giải quyết việc làm và tham gia tập huấn kỹ thuật nuôi trồng; sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 1.625 tấn, đạt 130% kế hoạch, tăng 2,39% so với cùng kỳ; ước giá trị sản xuất nuôi trồng 251,575 tỷ đồng (Giá so sánh 2010), đạt 100,63% kế hoạch, tăng 18,54% so với cùng kỳ.

- Chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị 02/CT-UBND ngày 19/3/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024, làm việc với các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình xây dựng cơ bản (XD CB), ước giá trị khối lượng hoàn thành các công trình XD CB 72,544/106,744 tỷ đồng, đạt 67,96% kế hoạch vốn đầu năm và ước thực hiện 72,544/89,658 tỷ đồng, đạt 80,91% kế hoạch (sau khi điều chỉnh giảm chi XD CB từ nguồn đấu giá trung tâm thương mại xã An Sơn 25,866 tỷ đồng); giải ngân 80,768/106,744 tỷ đồng, đạt 75,67% kế hoạch vốn đầu năm và ước thực hiện 80,768/89,658 tỷ đồng, đạt 90,08% kế hoạch (sau khi điều chỉnh). Ước tính vốn huy động đầu tư phát triển trên địa bàn 891 tỷ đồng, đạt 93,79% kế hoạch, tăng 2,22% so với cùng kỳ; thông qua phương án thiết kế 29 công trình triển khai mới trong năm 2024 và chuẩn bị triển khai năm 2025; trình HĐND huyện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 4.121,752 tỷ đồng, đạt 104,08% kế hoạch, tăng 15,75% so với cùng kỳ. Du lịch tiếp được quan tâm, có 551.885 lượt khách đến tham quan các đảo, đạt 122,64% kế hoạch, tăng 22,55% so với cùng kỳ, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống 721,047 tỷ đồng, đạt 116,3% kế hoạch, tăng 23,88% so với cùng kỳ.

- Quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn thu trên địa bàn, ước thu ngân sách 24,500/54,910 tỷ đồng, đạt 44,62% kế hoạch giao đầu năm và ước thực hiện 24,500/22,260 tỷ đồng, đạt 110,06% kế hoạch (sau khi điều chỉnh giảm thu tiền sử dụng đất từ bán đấu giá Trung tâm Thương mại An Sơn 43,110 tỷ đồng do không đấu giá được), tăng 49,85% so với cùng kỳ. Ước chi ngân sách 338,582/304,287 tỷ đồng, đạt 111,27% dự toán đầu năm và ước thực hiện 338,582/297,719 tỷ đồng, đạt 113,73% kế hoạch (sau khi điều chỉnh giảm chi từ nguồn đấu giá trung tâm thương mại xã An Sơn 25,866 tỷ đồng).

- Tập trung chỉ đạo công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng và công tác bảo vệ rừng, đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai đối với 12 trường hợp, với số tiền 134 triệu đồng⁹; cấp mới 58 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân với tổng diện tích 21,34ha, nâng tổng số đã cấp 3.268 giấy, với tổng diện tích 474/1.041,33ha, đạt 45,5%; triển khai thực hiện tốt Kế hoạch sử dụng đất năm

⁸ UBND huyện đã ban hành 15 Quyết định xử phạt với số tiền 187,5 triệu đồng.

⁹ Xã Lại Sơn 04 trường hợp; xã An Sơn 04 trường hợp; xã Nam Du 04 trường hợp.

2024¹⁰, hoàn thành lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đang trình UBND tỉnh phê duyệt; hoàn thành quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải đến năm 2045 đã được UBND tỉnh phê duyệt¹¹.

- Tập trung chỉ đạo các xã duy trì và nâng lên chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đã đạt được; phấn đấu xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, đến nay có 01 xã được công nhận, 01 xã đạt 19/19 tiêu chí (chờ tỉnh thẩm định), 02 xã còn lại đạt từ 15-18 tiêu chí; huyện đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới (chờ Trung ương thẩm định). Kinh tế hợp tác xã được quan tâm, đến nay đã thành lập 09 HTX với 110 thành viên, tổng doanh thu bình quân 7,752 tỷ đồng/năm. Quan tâm tạo điều kiện phát triển hợp tác xã, đến nay có 15 sản phẩm OCOP và 31 sản phẩm tiêu biểu¹².

- Công tác vệ sinh môi trường được quan tâm, hiện nay 03/04 xã (Hòn Tre, Lại Sơn và An Sơn) được đầu tư lò đốt rác với công suất từ 330kg/giờ trở lên; riêng xã Nam Du được đầu tư 02 lò đốt rác mini. Hệ thống thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đạt 87,79% so với tổng lượng phát sinh.

1.2.2. Về văn hóa - xã hội

- Giáo dục và Đào tạo từng bước được nâng lên, cơ sở vật chất trường, lớp học được quan tâm đầu tư, nâng cấp; có 138/138 học sinh thi đậu tốt nghiệp THPT, đạt 100%; tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo đạt 100% (kế hoạch 78%); trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (kế hoạch 99,1%); học sinh 6-14 tuổi đến trường đạt 99,26% (kế hoạch 97%). Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy và học, thực hiện tốt mục tiêu “Chuyển đổi số trong giáo dục”.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, có 4/4 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; công tác khám chữa bệnh từng bước đáp ứng yêu cầu của người dân, đã khám và điều trị bệnh cho 28.500 lượt người, đạt 95% kế hoạch; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,72%, đạt kế hoạch; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 7,7% chiều cao/tuổi, đạt kế hoạch; trong năm xảy ra 01 vụ nghi ngộ độc thực phẩm, có 22 học sinh nhập viện, đã thăm hỏi, động viên các em với số tiền 8,2 triệu đồng.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; tổ chức thăm và tặng 429 suất quà cho các đối tượng nhân dịp Lễ, tết và ngày thương binh liệt sĩ 27/7 với tổng số tiền trên 1,3 tỷ đồng¹³; chi trả trợ cấp cho 694 đối tượng với số tiền trên 2,18 tỷ đồng¹⁴; sửa chữa 02 căn nhà chính sách, trị giá 60 triệu đồng; tổ chức 6 lớp đào tạo nghề, có 198 học viên tham gia, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 69,5% (kế hoạch 69%); giới thiệu việc làm cho

¹⁰ Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh.

¹¹ Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh.

¹² 15 sản phẩm, bộ sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, 12 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, 04 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực

¹³ Tết nguyên đán 204 suất, trị giá 131.200.000 đồng; kỷ niệm 77 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ 134 suất, trị giá 38.500.000 đồng; 45 lượt đối tượng chính sách với số tiền 1.087.232.000 đồng; chi trả trợ cấp một lần cho 04 đối tượng người có công, với số tiền 64.317.000đ; chi tiền điều dưỡng luân phiên tại gia đình cho 12 người với số tiền 22.200.000 đồng; hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn 30 suất, với số tiền 8.000.000 đồng.

¹⁴ Chi trả trợ cấp qua hệ thống Bru điện cấp cho 361 đối tượng chính sách, số tiền trên 1.803.917.000 đồng; chi trả trợ cấp cho 319 đối tượng bảo trợ xã hội, số tiền 234.000.000 đồng; 12 hồ sơ mai táng phí cho các đối tượng bảo trợ xã hội, với số tiền 82.000.000 đồng; mai táng đột xuất ngoài vùng cư trú 61.000.000 đồng; hỗ trợ 01 đối tượng bị tai nạn lao động 5.000.000 đồng.

461 lao động, đạt 100,22% (kế hoạch 460); chỉ đạo thực hiện tốt công tác giảm nghèo theo tiêu chuẩn đa chiều, 4/4 xã không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo 06 hộ, tỷ lệ 0,12%, giảm 02 hộ và tỷ lệ giảm 0,02% (kế hoạch 0,14%). Thực hiện tốt công tác thu chi BHYT, BHXH, trong năm đã thu 36,956 tỷ đồng, chi cho các đối tượng với số tiền **11,344** tỷ đồng, có 100% người dân được gia hạn thẻ bảo hiểm y tế; tỷ lệ tham gia BHXH bắt buộc đạt 95,27% chỉ tiêu tỉnh giao và đạt 87,13% Nghị quyết HĐND huyện giao; BHXH tự nguyện đạt 94,22% chỉ tiêu tỉnh giao và đạt 119,27% Nghị quyết HĐND huyện giao¹⁵; tỷ lệ tham gia BH thất nghiệp đạt 93,8% chỉ tiêu tỉnh giao và đạt 89,5% Nghị quyết HĐND huyện giao¹⁶.

- Tổ chức tốt các hoạt động văn hoá - thể thao chào mừng các ngày lễ kỷ niệm của đất nước, các sự kiện của địa phương¹⁷; tổ chức thành công Lễ hội Nghinh Ông xã Lại Sơn năm 2024. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được quan tâm, trong năm có 4.235/4.411 hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa, đạt 96% (kế hoạch 90%); có 12/13 ấp văn hóa, đạt 92,3% (kế hoạch 92,3%).

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác chuyển đổi số trên địa bàn, đã cấp 190 tài khoản thư điện tử công vụ cho các cơ quan; cấp phát và hoạt động 107 chữ ký số, trong đó có 19 chữ ký số tổ chức và 88 chữ ký số cá nhân, đồng thời thay đổi thông tin và thu hồi 33 chữ ký số không còn hoạt động, các phòng chuyên môn trực thuộc UBND huyện và UBND các xã được thiết lập 117 tài khoản trên hệ thống văn phòng điện tử (trừ văn bản mật). Tiếp nhận trực tuyến được 3.683/3.839 hồ sơ, đạt 95,94%; số hóa được 3.267/3.931 hồ sơ, đạt 83,11%; thanh toán trực tuyến 814/3.587 hồ sơ, đạt 22,69%.

1.2.3. Về Quốc phòng – an ninh

- Các lực lượng thực hiện nghiêm túc sẵn sàng chiến đấu; công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh được quan tâm chỉ đạo thực hiện khá tốt; tổ chức thành công diễn tập chiến đấu xã An Sơn trong khu vực phòng thủ năm 2024, tổ chức tuần tra 1.430 cuộc, có 8.702 lượt đồng chí tham gia; công tác tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao.

- Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, chuyển hóa địa bàn được quan tâm chỉ đạo, góp phần hoàn thành tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới; tình hình tội phạm về trật tự xã hội và tội phạm về ma túy xảy ra 21 vụ, 25 tên (tăng 09 vụ, 10 tên so với cùng kỳ) . Trong năm xảy ra 01 vụ cháy 02 căn nhà, ước thiệt hại 800 triệu đồng, không thiệt hại về người. Tổ chức tuần tra trật tự an toàn xã hội và an toàn giao thông được 318 cuộc, có 1.706 lượt đồng chí tham gia, phát hiện và xử lý 308 trường hợp vi phạm với số tiền 179,75 triệu đồng ; trong năm không xảy ra tai nạn giao thông; tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 06).

¹⁵ BHXH bắt buộc tỉnh giao thực hiện 806/846 người trong độ tuổi lao động, Nghị quyết HĐND huyện giao 8,08%/9,274%; BHXH tự nguyện tỉnh giao thực hiện 489/519 người trong độ tuổi lao động, Nghị quyết HĐND huyện giao 4,901%/4,109%.

¹⁶ BHXH thất nghiệp tỉnh giao thực hiện 545./581 người trong độ tuổi lao động, Nghị quyết HĐND huyện giao 5,46%/6,101%.

¹⁷ Tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao mừng Đảng - mừng Xuân Giáp Thìn gắn với Tổng kết các hoạt động “Tết Quân - Dân” xã Hòn Tre năm 2024; tổ chức thi gói và nấu bánh tét, Mâm cỗ ngày tết; phối hợp với Đoàn Cải lương nhân dân Kiên Giang tổ chức chương trình Nghệ thuật.

1.2.4. Công tác nội chính – xây dựng chính quyền

- Tổ chức bộ máy hành chính được củng cố, sắp xếp ổn định, đã ban hành 420 Quyết định về công tác cán bộ; xét nâng lương cho 168 cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức thi tuyển viên chức năm 2024 đảm bảo theo Kế hoạch; công tác cải cách thủ tục hành chính được thực hiện tốt, đã giải quyết đúng hạn 3.655/3.718 hồ sơ, đạt 98,31%; chỉ đạo thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, xét và đề nghị khen thưởng cho 165 tập thể và 887 cá nhân có thành tích trong các phong trào thi đua chuyên đề. Công tác tín ngưỡng, tôn giáo được quan tâm, đã ban hành các văn bản trong công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tình hình hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn ổn định.

- Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm thực hiện; trong kỳ đã tiếp được 08 lượt, 08 người; giải quyết 15/17 đơn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền, đạt 88,24%. Đã triển khai thực hiện 03/03 cuộc thanh tra, đạt 100% kế hoạch.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được quan tâm, đã tuyên truyền được 63 cuộc, có 2.672 lượt người tham dự; trợ giúp pháp lý 20 cuộc có 100 lượt người tham dự; hòa giải thành 35/39 vụ, việc, đạt 89,74%; thẩm định và công nhận 4/4 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.

1.3. Phân tích đánh giá bổ sung các nguồn lực của huyện và tỉnh tác động đến việc sử dụng đất tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

Nguồn lực của huyện:

Kiên Hải là huyện đảo thuộc tỉnh Kiên Giang - tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm của vùng ĐBSCL. Kiên Hải đóng vai trò như một đô thị vệ tinh của thành phố Rạch Giá, có vị trí chiến lược về quốc phòng an ninh, phòng thủ khu vực. Tiềm năng phát triển du lịch của huyện Kiên Hải còn rất lớn, lại là vùng lân cận của các đô thị lớn như Phú Quốc, Rạch Giá, Hà Tiên, tất yếu sẽ có tác động thu hút mạnh các nguồn lực trong đầu tư phát triển trong tương lai.

Là huyện đảo với 23 hòn đảo lớn nhỏ nên Kiên Hải có tiềm năng và lợi thế về cảnh quan để phát triển du lịch. Ngoài ra còn có các di tích văn hóa, là yếu tố để đẩy mạnh loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp với du lịch tâm linh.

Là huyện có diện tích nhỏ nhất của tỉnh Kiên Giang nhưng có mật độ dân số cao thứ hai toàn tỉnh, chỉ sau thành phố Rạch Giá. So với các huyện, thành phố khác trong tỉnh thì Kiên Hải có lợi thế về cảnh quan thiên nhiên để phát triển du lịch với nhiều đảo và bãi biển đẹp, còn hoang sơ chưa bị ảnh hưởng bởi con người tác động.

Kiên Hải có tiềm năng để phát triển kinh tế biển rất lớn, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác và nuôi trồng thủy sản. Diện tích tiềm năng nuôi biển (nuôi lồng bè) trong phạm vi 3 hải lý của Kiên Hải khá lớn, khoảng 433 km², chiếm 16,7% diện tích tiềm năng nuôi biển của tỉnh Kiên Giang.

Lĩnh vực trồng trọt trong nông nghiệp thuận lợi cho phát triển theo hướng nông nghiệp ứng dụng kỹ thuật, gắn với xây dựng nông thôn mới, đang dần hình thành các mô hình sản xuất nông nghiệp mới.

Nhóm ngành công nghiệp có những chuyển biến tích cực và có xu hướng gia tăng trong giá trị sản xuất, gắn với việc khai thác nguồn nhân lực, nguồn nguyên liệu trực tiếp tại địa phương, đặc biệt là thủy sản.

Hệ thống hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội được mở rộng và phủ đều trên khắp địa bàn và đang dần hoàn thiện. Trong đó, hạ tầng giao thông đang có những chuyển biến rõ nét trên tất cả các loại hình, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân, hạ tầng về y tế, giáo dục, văn hóa đang được đầu tư và tăng dần về số lượng, chủng loại.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm tỷ trọng tương đối cao, kết hợp với đội ngũ lao động bên ngoài đang hoạt động tại địa phương, đáp ứng được nhu cầu phát triển của huyện trong thời điểm hiện tại.

Sự tập trung lãnh đạo của Đảng bộ trên các lĩnh vực, nhất là các chương trình trọng điểm, cải cách thủ tục hành chính.

Nguồn lực của tỉnh:

- Trung ương và Tỉnh sẽ ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế của huyện, đặc biệt là thúc đẩy phát triển du lịch Kiên Hải.

- Hội nhập kinh tế tạo điều kiện và động lực để nâng cao trình độ, kỹ năng và nâng cao chất lượng đội ngũ lao động tại địa phương, khả năng huy động nguồn vốn trong dân được phát huy một cách hiệu quả nhất, tạo điều kiện cho huyện thu hút đầu tư và mở rộng thị trường.

- Cách mạng công nghiệp 4.0 cùng với các thành tựu về phát triển khoa học công nghệ là cơ hội để tỉnh Kiên Giang nói chung và huyện Kiên Hải nói riêng chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng ứng dụng khoa học công nghệ vào tổ chức sản xuất để đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, hiệu quả và giá trị sản xuất, chế biến, tiếp cận thị trường.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024

Tại thời điểm lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 chưa có kết quả thống kê đất đai năm 2024 nên đánh giá hiện trạng sử dụng đất là hiện trạng năm 2023. Tổng diện tích tự nhiên của huyện Kiên Hải năm 2023 là 2.474,91 ha, chiếm 0,39% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Kiên Giang. Huyện Kiên Hải có 04 đơn vị hành chính cấp xã gồm: xã Lại Sơn (1.087,05 ha); xã An Sơn (708,61 ha); xã Hòn Tre (481,85 ha); xã Nam Du (197,40 ha). Năm 2023, cơ cấu sử dụng đất của huyện Kiên Hải gồm 3 nhóm đất chính như sau:

- Nhóm đất nông nghiệp có diện tích là 1.927,82 ha, chiếm 77,90% tổng diện tích tự nhiên của huyện;

- Nhóm đất phi nông nghiệp có diện tích là 191,65 ha, chiếm 7,74% tổng diện tích tự nhiên của huyện;

- Nhóm đất chưa sử dụng có diện tích là 355,44 ha, chiếm 14,36% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+....(9)	(5)	(7)	(8)	(9)
	Tổng diện tích tự nhiên		2.474,91	481,85	1.087,05	708,61	197,40
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	1.927,82	283,91	893,62	578,96	171,33
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	652,64	175,01	326,51	78,82	72,30
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.275,18	108,90	567,11	500,14	99,03
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	191,65	44,20	58,64	68,82	19,99
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	64,05	14,45	23,18	15,81	10,61
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,88	3,66	0,12	0,40	0,70
2.4	Đất quốc phòng	CQP	32,64	4,05	0,97	27,51	0,11
2.5	Đất an ninh	CAN	1,34	1,23	0,07		0,04
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	5,44	1,25	2,01	1,28	0,90
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,35	0,01	0,83	0,28	0,23
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,02	0,02			
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,44	0,12	0,18	0,06	0,08
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	2,94	0,60	0,91	0,84	0,59
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,69	0,50	0,09	0,10	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	6,19	0,87	2,89	2,23	0,20
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	5,22	0,87	2,86	1,29	0,20
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,97		0,03	0,94	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	69,02	15,71	25,73	21,27	6,31
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	53,27	10,26	22,48	14,48	6,05
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	9,63		2,99	6,60	0,04
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	1,59	1,57		0,02	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,61	3,43		0,09	0,09
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,26	0,12	0,05	0,04	0,05

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+....(9)	(5)	(7)	(8)	(9)
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,34	0,15	0,07	0,04	0,08
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,12	0,05	0,07		
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,20	0,13	0,07		
2.9	Đất tôn giáo	TON	2,94	2,13	0,60		0,21
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	2,22	0,19	1,10	0,02	0,91
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hòa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	1,08	0,47	0,61		
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1,85	0,19	1,36	0,30	
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	0,24			0,24	
2.12.3	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,61	0,19	1,36	0,06	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	355,44	153,74	134,79	60,83	6,08

2.2. Kết quả thực hiện công trình dự án

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Kiên Hải đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 với tổng số công trình, dự án là **34 công trình, dự án** (không bao gồm nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân). Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 như sau:

Bảng 3. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Hạng mục	Tổng DMCT năm 2024	Đã thực hiện xong	Hủy (công trình)	Điều chỉnh từ KHSDD năm 2022, 2023 sang thực hiện năm 2025	Chuyển tiếp (Công trình)
1	Thu hồi đất	7	1	1	4	1
2	Chuyển mục đích	6	1	1	1	3
3	Đấu giá	2				2
4	Lấn biên	2				2
5	Kêu gọi đầu tư	1				1
6	Giao đất	14		5		9
7	Thuê đất	2				2
	Tổng	34	2	7	5	20
	Tỷ lệ đạt được (%)	100%	5,9%	20,6%	14,7%	58,8%

- Có **02/34** công trình, dự án thực hiện xong trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Bảng 4. Danh mục công trình dự án thực hiện xong trong KHSDĐ năm 2024

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)		
1	Lò đốt rác tạm Hòn Tre	DRA	0,1		0,1	DCS	Hòn Tre	Hợp đồng mua sắm, lắp đặt thiết bị số 1011/2023/HĐ-TTECH-HONTRE ngày 10/11/2023
2	Đường vào bến cập tàu Bãi Ngự	DGT	0,47		0,47	CLN: 0,43 RPH: 0,04	An Sơn	Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND huyện Kiên Hải

- Có 07/34 công trình, dự án hủy

Bảng 5. Danh mục công trình hủy thực hiện trong KHSDĐ năm 2024

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp)	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất (ha)		
1	Trận địa pháo Hòn Tre	CQP	0,59		0,59	CLN	Hòn Tre	Công văn số 4990/BCH-HCKT ngày 02/12/2024 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang về việc cho ý kiến Kế hoạch sử dụng đất 2025 của 15 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
2	Dự án nuôi trồng, sản xuất giống, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu cá, rong biển và các loại thủy hải sản khác	SKC	3,0		3,0	RPH	An Sơn	Công trình quá hạn 02 năm chưa thực hiện
3	Thao trường huấn luyện xã Lại Sơn	CQP	5,32		5,32	DCS	Lại Sơn	Công văn số 4990/BCH-HCKT ngày 02/12/2024 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang về việc cho ý kiến Kế hoạch sử dụng đất 2025 của 15 huyện, thành phố trên

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp)	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất (ha)		
								địa bàn tỉnh Kiên Giang
4	Thao trường huấn luyện xã Hòn Tre	CQP	1,25		1,25	CLN	Hòn Tre	Công văn số 4990/BCH-HCKT ngày 02/12/2024 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang về việc cho ý kiến Kế hoạch sử dụng đất 2025 của 15 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
5	Đại đội bộ binh	CQP	0,23	0,00	0,23	CLN	Hòn Tre	Công văn số 4990/BCH-HCKT ngày 02/12/2024 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang về việc cho ý kiến Kế hoạch sử dụng đất 2025 của 15 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
6	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã An Sơn	CQP	0,17	0,17		CQP	An Sơn	Công văn số 4990/BCH-HCKT ngày 02/12/2024 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang về việc cho ý kiến Kế hoạch sử dụng đất 2025 của 15 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
7	Trụ sở làm việc công an xã Hòn Tre	CAN	0,02		0,02	CLN	Hòn Tre	Công trình quá hạn 02 năm chưa thực hiện, thuộc khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai

- Có 05/34 danh mục công trình điều chỉnh từ KHSDĐ năm 2022, 2023 sang thực hiện trong năm 2025.

Bảng 6. Danh mục công trình điều chỉnh từ KHSDĐ năm 2022, 2023 sang thực hiện trong năm 2025

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất (ha)		
*	Các công trình, dự án phải thu hồi đất							
1	Dự án Quy hoạch chi tiết KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/QK9	CQP	1,03		1,03	RPH: 0,98 ONT:0,05	Nam Du	Dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định 3817/QĐ-BQP ngày 28/8/2024 của Bộ Quốc phòng Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
2	Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	DGT	0,97	0,02	0,95	CLN: 0,11ha; ONT: 0,03ha; CSD: 0,02ha; DTL: 0,02ha; RPH: 0,77ha;	An Sơn	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
3	Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	NTD	2,63		2,63	RPH: 2,29ha; CLN: 0,34ha	An Sơn	- Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;
4	Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km)	DGT	2,70		2,70	RPH: 1,63; CQP: 1,07	An Sơn	- Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; - Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 28/8/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về việc thống nhất danh mục các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Kiên Hải (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương - Chương trình: Biển Đông - Hải đảo)
*	Công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất							

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích	Sử dụng vào loại đất (ha)		
5	Công ty Cổ phần tập đoàn Mavin	SKC	6,00		6,00	RPH: 6	An Sơn	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/1/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

- Có 20/34 công trình, dự án chuyển tiếp thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025

Bảng 7. Danh mục công trình chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
(1)	(2)		(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	
I	Công trình thu hồi đất							
1	Đường ngang đảo Hòn ngang	DGT	0,03		0,03	ONT	Nam Du	Chuyển tiếp thực hiện - Nghị quyết 183/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
II	Công trình chuyển mục đích sử dụng đất							
2	Xây dựng nhà chờ bến cập tàu Bãi Nhà, xã Lại Sơn	TMD	0,01		0,01	CLN	Lại Sơn	- Công trình đang giải quyết tranh chấp; điều chỉnh từ KHSĐĐ 2022 sang thực hiện trong KHSĐĐ 2025; - Báo cáo số 27/BC-KTHT-TN&MT ngày 05/6/2023 của Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường về Công tác triển khai xây dựng Nhà Chờ bến cập tàu xã Lại Sơn

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
3	Khu phức hợp Bãi Cây Mến (Giai đoạn 1)	TMD	5,27		5,27	CLN	An Sơn	- Công trình đang thực hiện, điều chỉnh từ KHSDD 2023 sang thực hiện trong KHSDD 2025; - Biên bản làm việc ngày 3/7/2024 giữa các bên liên quan về việc rà soát hồ sơ ranh mốc GPMB thi công hạng mục kênh dẫn đoạn 2 thuộc công trình hồ chứa nước Bãi Cây Mến, xã An Sơn, huyện Kiên Hải.
4	Khu du lịch Bãi Bàng	TMD	1,08	0,49	0,59	CLN	Lại Sơn	- Công trình đang thực hiện, điều chỉnh từ KHSDD 2023 sang thực hiện trong KHSDD 2025; - Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; - Kế hoạch triển khai dự án đầu tư ngày 20/4/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Kiên Hải;- Văn bản số 15/04/2024 VBKH của Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Kiên Hải gửi Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải đề nghị làm việc triển khai Dự án Khu Du lịch Bãi Bàng
*	Công trình thực hiện đấu giá		1,29	0,01	1,28			
5	Đấu giá thửa TĐ 03-2020 (106-26)	ONT	0,01	0,01		ONT	Hòn Tre	Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND huyện Kiên Hải về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với thửa đất tại tổ 11, ấp II, xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang
6	Trung tâm thương mại An Sơn.		1,10		1,10	SKC	An Sơn	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
		ONT	0,18		0,18			Công văn số 134/TTPTQĐ-QLPTQĐ ngày 23/9/2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất về việc bổ sung chuyển tiếp các công trình, dự án để đấu giá quyền sử dụng đất và thu hồi đất vào danh mục công trình, dự án đấu giá quyền sử dụng đất, thu hồi đất của Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện
		DCH	0,27		0,27			
		DGT	0,34		0,34			
		TMD	0,31		0,31			
*	Danh mục lấn biển							
7	Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn		3,29		3,29	Lấn biển	An Sơn	- Mã đất cũ DSH điều chỉnh thành DKV do thay đổi phù hợp với Thông tư 29/2024 ngày 12/12/2024; - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Việt Phúc gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang - Công văn số 217/UBND-KTHT-TN&MT ngày 11/5/2023 của UBND huyện Kiên Hải V/v có ý kiến thẩm định tại Dự án Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn
		TMD	0,96		0,96			
		DGT	0,88		0,88			
		DKV	0,15		0,15			
		ONT	1,3		1,3			
8	Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre (Tổng diện tích là 36,99 ha trong đó: 32,21 ha hiện trạng là đất CSD và 4,78 ha diện tích lấn biển)		36,52		36,52	Lấn biển:1,99; BCS:13,77	Hòn Tre	- Mã đất cũ DTL điều chỉnh thành DCT do thay đổi phù hợp với Thông tư 29/2024 ngày 12/12/2024; - Chuyển tiếp thực hiện từ KHSDĐ 2023 - Báo cáo số 98/BC-TTKT ngày 24/10/2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường về Kết quả đo đạc, khảo sát Dự án mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;
		ONT	15,76		15,76			
		DGD	1,00		1,00			
		TMD	2,84		2,84			
		DGT	11,88		11,88			

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
		DKV	2,16		2,16	Lấn biển:0,16; BCS:2,0		
		DCT	0,35		0,35	Lấn biển:0,04; BCS:0,31		
		DVH	0,90		0,90	BCS		
		DYT	0,22		0,22	BCS		
		TSC	0,10		0,10	BCS		
		DNL	0,21		0,21	BCS		
		MNC	0,72		0,72	BCS		
		DCH	0,38		0,38	BCS		
*	Danh mục kêu gọi đầu tư							
9	Khu lấn biển Hòn Ngang		8,00	2,58	5,42		Nam Du	- Mã đất cũ DTL điều chỉnh thành DCT do thay đổi phù hợp với Thông tư 29/2024 ngày 12/12/2024; -Chuyển tiếp thực hiện do đang thực hiện lập phương án bồi thường vật kiến trúc; - Phương án dự thảo số 73/PA-TTKT ngày 16/11/2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu lấn biển Bờ Tây Hòn Ngang, xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;
		ONT	4,65	2,58	2,07	BCS		
		TMD	0,74		0,74	BCS		
		DCH	0,74		0,74	BCS		
		DGT	1,59		1,59	BCS		
		DCT	0,11		0,11	BCS		
		DKV	0,17		0,17	BCS		
*	Danh mục giao đất							
10	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao trên địa bàn xã An Sơn	DKV	0,6		0,60	CLN	An Sơn	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Kiên Hải

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
11	Công viên xã Hòn Tre	DKV	0,08		0,08	CLN	Hòn Tre	- Thông báo số 1816-TB-TU ngày 16/10/2019 của Tỉnh ủy Kiên Giang kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh M64:O64Ủy về việc quản lý sử dụng, khai thác tài sản nhà, đất của Tỉnh ủy; - Công văn số 362/VP-TH ngày 23/03/2021 của Văn phòng HĐND-UBND V/v thực hiện Thông báo số 1816-TB-TU ngày 16/10/2019 của Tỉnh ủy Kiên Giang kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy
12	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 2	TSC	0,02	0,02		TSC	Hòn Tre	Điều chỉnh từ mã đất DSH thành TSC cho phù hợp với Thông tư 29/2024 ngày 12/12/2024; Phiếu đề nghị v/v đo đạc lập sơ đồ vị trí khu đất của xã Hòn Tre
13	Trung tâm văn hóa huyện (Trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre)	DVH	0,33		0,33	BCS	Hòn Tre	- Nằm trong dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre, tách ra danh mục công trình để thực hiện giao đất - Nghị quyết số 520/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
14	Bồn chứa nước (Áp 3)	DCT	0,04		0,04	CLN	Hòn Tre	- Điều chỉnh từ mã đất SKC thành DCT cho phù hợp với Thông tư 29/2024 ngày 12/12/2024; - Công văn số 448/UBND - KTHT-TN&MT ngày 21/11/2021 của UBND huyện Kiên Hải v/v ý kiến về đăng ký nhu cầu thực hiện dự án của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
15	Nhà máy nước xã Hòn Tre (Trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre)	DCT	0,14		0,14	BCS	Hòn Tre	- Điều chỉnh từ mã đất SKC thành DCT cho phù hợp với Thông tư 29/2024 ngày 12/12/2024; - Nằm trong dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre, tách ra danh mục công trình để thực hiện giao đất

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
								- Công văn số 448/UBND - KTHT-TN&MT ngày 21/11/2021 của UBND huyện Kiên Hải v/v ý kiến về đăng ký nhu cầu thực hiện dự án của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
16	Nhà tập thể ủy ban huyện	TSC	0,02		0,02	ONT	Hòn Tre	Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thu hồi do tự nguyện trả lại đất đối với khu đất tại ấp I, xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng đất của Kho bạc Nhà nước Kiên Hải
17	Hồ chứa nước Bãi Nhà	MNC	3,35		3,35	DTL	Lại Sơn	- Điều chỉnh từ mã đất DTL thành MNC cho phù hợp với Thông tư 29/2024 ngày 12/12/2024; - Công văn số 1775/VP-TH ngày 11/11/2022 của VPHĐND-UBND huyện Kiên Hải v/v bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 công trình Hồ chứa nước Bãi Nhà xã Lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang - Công văn số 554/BQLDA ngày 04/11/2022 của BQLDA ĐTXD CCTNN&PTNT v/v bổ sung KHSDD năm 2023 công trình Hồ chứa nước Bãi Nhà xã Lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang - Quyết định 2260/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 V/v phê duyệt Dự án ĐTXD công trình Hồ chứa nước Bãi Nhà thuộc Dự án xây mới và sửa chữa nâng cấp cụm hồ Kiên Hải (hồ Hòn Ngang, Bãi Nhà và sửa chữa nâng cấp Hồ Hòn Lớn), huyện Kiên Hải, tỉnh KG

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
18	Trạm cấp nước Hòn Mấu (xã Nam Du)	DCT	0,04		0,04	DTL	Nam Du	- Điều chỉnh từ mã đất DTL thành DCT cho phù hợp với Thông tư 29/2024 ngày 12/12/2024; - Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án lấp 01 bồn thếp 1.100m ³ + Khoan tạo nguồn 01 giếng xã Nam Du (Hòn Mấu) Địa điểm: ấp Hòn Mấu, xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang
	Công trình thuê đất							
19	Khu xử lý rác thải Hòn Tre	DRA	3,20	3,09	0,11	DCS: 0,07; DGT: 0,04	Hòn Tre	- Đang thực hiện - Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc cho Công ty Cổ phần Hòn Tre thuê đất tại ấp 3, xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang (Dự án khai thác thu hồi đất Monzonit trong quá trình cải tạo mặt bằng Dự án xây dựng khu xử lý rác thải tại xã Hòn Tre)
20	Nghĩa trang nhân dân xã Hòn Tre	NTD	1,40		1,40	DCS: 1,4	Hòn Tre	Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang Quyết định chủ trương đầu tư

*** Kết quả thực hiện chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân đến tháng 12 năm 2024:**

Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Kiên Hải có nhu cầu đăng ký thực hiện chuyển mục đích 65 trường hợp với tổng diện tích xin chuyển là 14,28 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 đã chuyển được 14 trường hợp, diện tích là 2,09 ha. Hủy 1,72 ha, 03 trường hợp do người dân không còn nhu cầu. Chuyển tiếp 49 trường hợp, diện tích còn lại 10,47 ha.

Bảng 8. Kết quả chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân trong KHSDĐ năm 2024

STT	Địa điểm (cấp xã)	CLN/ONT	CLN/TMD
1	Hòn Tre	0,05	
2	Lại Sơn	0,3	0,66
3	An Sơn		0,59
4	Nam Du		0,49
Tổng cộng		0,35	1,74

Bảng 9. Diện tích chuyển tiếp sang KHSDĐ năm 2025

STT	Địa điểm (cấp xã)	CLN/ONT	SKC/ONT	CLN/TMD	ONT/TMD
1	Hòn Tre			0,05	
2	Lại Sơn	0,86	0,03	3,98	
3	An Sơn	0,1		2,04	1,4
4	Nam Du	0,23		1,68	0,1
Tổng cộng		1,19	0,03	7,75	1,5

2.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất sử dụng

*** Tổng diện tích tự nhiên**

Bảng 10. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Kiên Hải

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]x100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
	Tổng diện tích tự nhiên		2.474,91	2.482,98	2.474,91	0,00		-8,07	8,07	
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	1.927,82	1.890,80	1.925,26	-2,56	6,92	34,46	27,65	6,81
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	191,65	281,28	196,85	5,20	5,80	-84,43	-74,84	-9,59
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	355,44	310,90	352,80	-2,64	5,93	41,90	39,12	2,78

Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt, tổng diện tích tự nhiên của huyện Kiên Hải là 2.482,98 ha, tăng 8,07 ha so với hiện trạng năm 2023. Kết quả thực hiện, diện tích tự nhiên là 2.474,91 ha không biến động so với hiện trạng *do chưa thực hiện xong Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn (3,29 ha) và Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre (phần diện tích lấn biển là 4,78 ha).*

a) Đất nông nghiệp

Bảng 11. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp năm 2024 huyện Kiên Hải

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/(5)-(4) x100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	1.927,82	1.890,80	1.925,26	-2,56	6,92	34,46	27,65	6,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	652,64	630,33	650,12	-2,52	11,30	19,79	15,98	3,81
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.275,18	1.260,47	1.275,14	-0,04	0,27	14,67	11,67	3,00

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 1.927,82 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Kiên Hải được duyệt, đất nông nghiệp có diện tích là 1.890,80 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 1.925,26 ha, giảm 2,56 ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 6,92%. Diện tích còn lại 34,46 ha chưa thực hiện giảm để chuyển sang đất phi nông nghiệp (trong đó: Diện tích hủy trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 6,81 ha, diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 thực hiện là 27,65 ha). Từng chỉ tiêu cụ thể trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

(1) Đất trồng cây lâu năm

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 652,64 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024, diện tích đất trồng cây lâu năm huyện Kiên Hải là 630,33 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 650,12 ha, giảm 2,52 ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 11,30%.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm do chuyển sang đất công trình giao thông 0,43 ha. Diện tích chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn là 0,35 ha, sang đất thương mại dịch vụ là 1,74 ha.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm tiếp tục giảm trong năm 2025 là 15,98 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình và phục vụ nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân.

(2) Đất rừng phòng hộ

Hiện trạng năm 2023 là 1.275,18 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024, diện tích đất rừng phòng hộ là 1.260,47 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 1.275,14 ha, giảm 0,04 ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 0,27%.

- Diện tích giảm do chuyển sang đất công trình giao thông.

- Diện tích cần tiếp tục giảm trong năm 2025 là 11,67 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện: Dự án Quy hoạch chi tiết KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/QK9; Đường vào bến cập tàu Bãi Ngự; Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km). Đồng thời, hủy thực hiện 3,0 ha đối với Dự án nuôi trồng, sản xuất giống, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu cá, rong biển và các loại thủy hải sản khác.

b) Đất phi nông nghiệp

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt được xây dựng theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021. Đến nay, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được thực hiện theo Thông tư 29/2024/TT - BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường về thực hiện Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đối với nhóm đất phi nông nghiệp có sự thay đổi cụ thể như sau:

- Hủy các mã đất gồm: Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia; Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp huyện, cấp xã

- Điều chỉnh các mã đất: Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH) điều chỉnh thành Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (DKV); Đất xây dựng công trình sự nghiệp (DTS) điều chỉnh thành Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác (DSK); Đất danh lam thắng cảnh (DDL) và Đất có di tích lịch sử - văn hóa (DDT) điều chỉnh theo thông tư mới thành: Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên (DDD);

- Bổ sung các mã đất gồm có: Đất xây dựng công trình sự nghiệp (DSN); Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (CSK); Đất sử dụng vào mục đích công cộng (CCC); Đất có mặt nước chuyên dùng (TVC).

Bảng 12. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp năm 2024 huyện Kiên Hải

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha); Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]x100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	191,65	281,28	196,85	5,20	5,80	-84,43	-74,84	-9,59
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	64,05	85,02	64,40	0,35	1,67	-20,62	-18,90	-1,72
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,88	5,00	4,88			-0,12	-0,12	0,00
2.4	Đất quốc phòng	CQP	32,64	39,99	32,64			-7,35	0,04	-7,39
2.5	Đất an ninh	CAN	1,34	1,36	1,34			-0,02		-0,02
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	5,44	7,89	5,44			-2,45	-2,45	
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,35	2,58	1,35			-1,23	-1,23	
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,02	0,02	0,02					
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,44	0,66	0,44			-0,22	-0,22	
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	2,94	3,94	2,94			-1,00	-1,00	
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,69	0,69	0,69					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	6,19	35,95	10,08	3,89	34,72	-25,87	-25,02	-0,85
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	5,22	26,93	6,96	1,74	8,01	-19,97	-19,97	

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha); Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/l(5)-(4)]x100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,97	9,02	3,12	2,15	26,71	-5,90	-5,05	-0,85
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	69,02	93,23	69,98	0,96	3,97	-23,25	-23,64	0,39
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	53,27	72,07	53,74	0,47	2,50	-18,33	-18,33	
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	9,63	10,07	10,02	0,39	88,64	-0,05	-0,44	0,39
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	1,59	1,59	1,59					
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,61	3,82	3,71	0,10	47,62	-0,11	-0,11	0,00
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,26	0,47	0,26			-0,21	-0,21	
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,34	0,34	0,34					
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,12	1,51	0,12			-1,39	-1,39	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,20	3,36	0,20			-3,16	-3,16	
2.9	Đất tôn giáo	TON	2,94	2,94	2,94					
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	2,22	2,22	2,22					
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	1,08	5,11	1,08			-4,03	-4,03	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1,85	2,57	1,85			-0,72	-0,72	
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên	MNC	0,24	0,96	0,24			-0,72	-0,72	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha); Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/l(5)-(4)]x100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
	dùng dạng ao, hồ, đầm, phá									
2.12.3	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,61	1,61	1,61					

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 191,65 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt, đất phi nông nghiệp huyện Kiên Hải có diện tích là 281,28 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 196,85 ha, tăng 5,20 ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 5,80%. Diện tích còn lại 84,43 ha chưa tăng trong đó diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 là 74,84 ha, diện tích hủy là 9,59 ha.

(1) Đất ở tại nông thôn

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 64,05 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất ở tại nông thôn là 85,02 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 64,40 ha, tăng 0,35 ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 1,67% do chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân.

Đất ở tại nông thôn tiếp tục tăng trong năm 2025 là 18,90 ha để thực hiện các công trình: Đấu giá thửa TĐ 03-2020 (106-26) xã Hòn Tre; Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn; Trung tâm thương mại An Sơn; Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre, Khu lấn biển Hòn Ngang và phục vụ nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân.

(2) Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 4,88 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 5,0 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 4,88 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu đề ra.

Diện tích tiếp tục tăng 0,12 ha trong năm 2025 để thực hiện đất xây dựng trụ sở cơ quan trong Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre; giao đất Nhà tập thể ủy ban huyện.

(3) Đất quốc phòng

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 32,64 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt, đất quốc phòng có diện tích là 39,99 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 32,64 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu đề ra.

Diện tích cần giảm 0,04 ha trong năm 2025 do:

- Nhận từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang 1,03 ha thực hiện Dự án Quy hoạch chi tiết KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/QK9;
- Chuyển sang đất giao thông 1,07 ha thực hiện Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km).

- Đồng thời trong năm 2025, đất quốc phòng hủy 7,39 ha các công trình Thao trường huấn luyện xã Lại Sơn; Thao trường huấn luyện xã Hòn Tre; Đại đội bộ binh; Trận địa pháo Hòn Tre thực hiện theo khoản 4, Điều 67 của Luật Đất đai.

(4) Đất an ninh

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 1,34 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt, diện tích đất an ninh là 1,36 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 1,34 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu đề ra.

(5) Đất xây dựng công trình sự nghiệp (mã đất mới theo Điều 4, Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024)

(5.1) Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 1,35 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 2,58 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 1,35 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu đề ra.

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa cần thực hiện tăng 1,23 ha trong năm 2025 để thực hiện các công trình: đất xây dựng cơ sở văn hóa trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre; giao đất Trung tâm văn hóa huyện (Trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre).

(5.2) Đất xây dựng cơ sở y tế

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 0,44 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 0,66 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 0,44 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu đề ra.

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế cần thực hiện tăng 0,22 ha trong năm 2025 để thực hiện đất xây dựng cơ sở y tế trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre.

(5.3) Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 2,94 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 3,94 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 2,94 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu đề ra.

Diện tích cần thực hiện tăng 1,0 ha trong năm 2025 để thực hiện đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre.

** Trong nhóm đất xây dựng công trình sự nghiệp các chỉ tiêu: đất xây dựng cơ sở xã hội; đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao giữ ổn định so với hiện trạng.*

(6) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (mã đất mới theo Điều 4, Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024)

(6.1) Đất thương mại, dịch vụ

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 5,22 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt, diện tích đất thương mại dịch vụ là 26,93 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 6,96 ha, tăng 1,74 ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 8,01% do nhận từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang phục vụ chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân (xã Lại Sơn 0,66 ha; xã Nam Du 0,49 ha; xã An Sơn 0,59 ha)

Đất thương mại dịch vụ cần tiếp tục tăng 19,97 ha trong năm 2025 do thực hiện: Xây dựng nhà chờ bến cập tàu Bãi Nhà, xã Lại Sơn; Khu phức hợp Bãi Cây Mến (Giai đoạn 1); Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre; Trung tâm thương mại An Sơn; Khu lấn biển Hòn

Ngang; Khu du lịch Bãi Bàng và Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn và chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân.

(6.2) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 0,97 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 9,02 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 3,12 ha, tăng 2,15 ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 26,71% do nhận từ đất chưa sử dụng chuyển sang để cập nhật hiện trạng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Lại Sơn.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp cần tiếp tục tăng 5,05 ha trong năm 2025 để thực hiện các công trình: Bồn chứa nước (Áp 3); Nhà máy nước xã Hòn Tre (Trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre); Công ty Cổ phần tập đoàn Mavin.

(7) Đất sử dụng vào mục đích công cộng (mã đất mới theo Điều 4, Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024)

(7.1) Đất công trình giao thông

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 53,27 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt, diện tích đất công trình giao thông là 72,07 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 53,74 ha, tăng 0,47 ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 2,5% do thực hiện xong Đường vào bến cập tàu Bãi Ngự.

Diện tích đất công trình giao thông cần thực hiện tăng 18,33 ha trong năm 2025 để thực hiện các công trình: Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km); Đường ngang đảo Hòn Ngang; Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; đất công trình giao thông trong Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn; đất công trình giao thông trong Trung tâm thương mại An Sơn; đất công trình giao thông trong Mở rộng khu dân cư Hòn Tre; đất công trình giao thông trong Khu lấn biển Hòn Ngang.

(7.2) Đất công trình thủy lợi

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 9,63 ha. Diện tích đất công trình thủy lợi theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 10,07 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 10,02 ha, tăng 0,39 ha, đạt tỷ lệ 88,64% do cập nhật hiện trạng theo số liệu thống kê đất đai.

Diện tích đất công trình thủy lợi cần thực hiện tăng 0,44 ha trong năm 2025 để thực hiện các công trình: Đất công trình thủy lợi trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre; Đất công trình thủy lợi trong Khu lấn biển Hòn Ngang; giao đất Hồ chứa nước Bãi Nhà; giao đất Trạm cấp nước Hòn Mầu (xã Nam Du).

(7.3) Đất công trình xử lý chất thải

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 3,61 ha. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất công trình xử lý chất thải là 3,82 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 3,71 ha, tăng 0,1 ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 47,62% do thực hiện xong Lò đốt rác tạm Hòn Tre. Diện tích cần thực hiện tăng 0,11 ha trong năm 2025 để thực hiện Khu xử lý rác thải Hòn Tre.

(7.4) Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 0,26 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng là 0,47 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2024 là 0,26 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu đề ra.

Diện tích cần thực hiện tăng 0,21 ha trong năm 2025 do thực hiện đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre.

(7.5) Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 0,12 ha. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối là 1,51 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 0,12 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu đề ra.

Diện tích cần thực hiện tăng 1,39 ha trong năm 2025 để thực hiện các công trình: đất chợ dân sinh, chợ đầu mối trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối trong Trung tâm thương mại An Sơn; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối trong Khu lấn biển Hòn Ngang.

(7.6) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng

Hiện trạng năm 2023 là 0,2 ha. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng là 3,36 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 0,2 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu đề ra.

Diện tích cần thực hiện tăng 3,16 ha trong năm 2025 để thực hiện các công trình: đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng trong Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre, Khu lấn biển Hòn Ngang; giao đất Công viên xã Hòn Tre; Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao trên địa bàn xã An Sơn.

** Trong nhóm đất sử dụng vào mục đích công cộng các chỉ tiêu: Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin giữ ổn định so với hiện trạng.*

(8) Đất tôn giáo

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 2,94 ha. Diện tích đất tôn giáo theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 2,94 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 2,94 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

(9) Đất tín ngưỡng

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 2,22 ha. Diện tích đất tín ngưỡng theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 2,22 ha. Kết quả thực hiện đến cuối tháng 12/2024 là 2,22 ha, đạt chỉ tiêu đề ra.

(10) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt (thống kê từ đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng theo Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021)

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 1,08 ha. Diện tích theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 5,11 ha. Kết quả thực hiện đến cuối tháng 12/2024 là 1,08 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu đề ra.

Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt cần tăng 4,03 ha trong năm 2025 để thực hiện công trình Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; Nghĩa trang nhân dân xã Hòn Tre.

(11) Đất có mặt nước chuyên dùng (mã đất mới theo Điều 4, Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024)

(11.1) Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá (thống kê từ đất có mặt nước chuyên dùng theo Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021)

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 0,24 ha. Diện tích theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 0,96 ha. Kết quả thực hiện đến cuối tháng 12/2024 là 0,24 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu đề ra.

Diện tích cần tăng 0,72 ha trong năm 2025 do thực hiện dự án Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre.

(11.2) Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối (thống kê từ đất sông ngòi kênh rạch suối theo Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021)

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 1,61 ha. Diện tích theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 1,61 ha. Kết quả thực hiện đến cuối tháng 12/2024 là 1,61 ha, đạt chỉ tiêu đề ra.

c) Đất chưa sử dụng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt được xây dựng theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021. Đến nay, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được thực hiện theo Thông tư 29/2024/TT - BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thực hiện Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đối với nhóm đất chưa sử dụng có sự bổ sung phân loại đất gồm đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng và núi đá không có rừng cây.

Bảng 13. Kết quả thực hiện đất chưa sử dụng năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha)	Tỷ lệ		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/(5)-(4)x100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	355,44	310,90	352,80	-2,64	5,93	41,90	39,12	2,78
	<i>Trong đó:</i>									
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	39,66	2,03	39,66			37,63	37,63	
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	284,80	277,89	282,16	-2,64	38,21	4,27	1,49	2,78
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	30,98	30,98	30,98					

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 355,44 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất chưa sử dụng là 310,90 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 352,80 ha, giảm 2,64 ha so với hiện trạng, đạt tỷ lệ 5,93%.

Diện tích đất chưa sử dụng chuyển tiếp sang năm 2025 giảm 39,12 ha để chuyển sang đất phi nông nghiệp thực hiện các dự án: Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre; Khu lấn biển Hòn Ngang; Trung tâm văn hóa huyện (Trong khu lấn biển Hòn Tre); Nhà máy nước xã Hòn Tre; Khu xử lý rác thải Hòn Tre; Nghĩa trang nhân dân xã Hòn Tre.

(1) Đất bằng chưa sử dụng

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 39,66 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất bằng chưa sử dụng là 2,03 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 39,66 ha, không biến động so với hiện trạng, không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Diện tích đất bằng chưa sử dụng cần thực hiện giảm 37,63 ha trong năm 2025 để chuyển sang đất ở tại nông thôn 15,84 ha; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 1,12 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,74 ha; đất công trình giao thông 12,16 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 2,17 ha; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,21 ha; đất công trình thủy lợi 0,42 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 1,23 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,22 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,72 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,14 ha; đất thương mại dịch vụ 2,56 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,1 ha.

(2) Đất đồi núi chưa sử dụng

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 284,80 ha. Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất đồi núi chưa sử dụng là 277,89 ha. Kết quả thực hiện đến tháng 12/2024 là 282,16 ha, giảm 2,64 ha, đạt tỷ lệ 38,21% do chuyển sang đất công trình xử lý chất thải 0,1 ha thực hiện xong Lò đốt rác tạm xã Hòn Tre và chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,15 ha; đất thủy lợi 0,39 ha do cập nhật hiện trạng theo thống kê đất đai xã Lại Sơn.

Diện tích cần tiếp tục giảm trong năm 2025 là 1,49 ha để chuyển sang đất công trình giao thông 0,02 ha; đất công trình xử lý chất thải 0,07 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 1,4 ha.

(3) Núi đá không có rừng cây

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 là 30,98 ha. Diện tích núi đá không có rừng cây theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2024 là 30,98 ha. Kết quả thực hiện đến cuối tháng 12/2024 là 30,98 ha, đạt chỉ tiêu đề ra.

2.4. Kết quả thu hồi đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Kiên Hải định hướng diện tích thu hồi 8,38 ha. Kết quả thu hồi đất năm 2024 là 0,47 ha, thu hồi được 0,43 ha đất trồng cây lâu năm và 0,04 ha đất rừng phòng hộ.

Bảng 14. Kết quả thu hồi đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
1	Đất nông nghiệp	NNP	0,47			0,47	
-	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,43			0,43	
-	Đất rừng phòng hộ	RPH	0,04			0,04	

2.5. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Kiên Hải định hướng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất là 37,02 ha. Kết quả thực hiện như sau đã chuyển 2,56 ha

Bảng 15. Diện tích chuyển mục đích đã thực hiện

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	2,56	0,05	0,96	1,06	0,49

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
-	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	2,52	0,05	0,96	1,02	0,49
-	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0,04			0,04	

2.6. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ giải pháp

Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải trực tiếp chỉ đạo các ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức công bố công khai, đồng thời chỉ đạo thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết không thỏa thuận đầu tư, cấp phép đầu tư, giao cấp đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với những dự án, công trình không nằm trong danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường làm tốt công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện trong công tác quản lý đất đai, phối hợp cùng các ban, ngành của huyện kịp thời nắm bắt, tổng hợp các nhu cầu phát sinh để đăng ký bổ sung vào Kế hoạch sử dụng đất theo quý.

2.7. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất

- Kết quả đạt được: Trong năm 2024, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức do diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, giá nguyên vật liệu tăng cao... những tháng đầu năm, song các ngành, các cấp và nhân dân trong huyện đã nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đạt kết quả khá tốt, thực hiện đạt và vượt 15/19 chỉ tiêu, các chỉ tiêu còn lại đạt từ 87-98,5%. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, đời sống của người dân từng bước được nâng lên; công tác lập kế hoạch sử dụng đất và lập quy hoạch xây dựng vùng huyện được quan tâm, đến nay đã được UBND tỉnh phê duyệt; các trường hợp vi phạm pháp luật được tập trung chỉ đạo xử lý, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương; công tác xây dựng nông thôn mới đạt kế hoạch đề ra. Văn hóa - xã hội có chuyển biến tích cực; chất lượng giáo dục và đào tạo từng bước được nâng lên; công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân được quan tâm; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời, hiện nay trên địa bàn huyện không còn hộ nghèo theo chuẩn đa chiều. Quốc phòng - an ninh được tăng cường giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản đảm bảo; công tác tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, cải cách hành chính và chuyển đổi số được quan tâm. Năng lực quản lý, điều hành, tinh thần, trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức có bước được nâng lên, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 đạt mức cao nhất.

- Tồn tại, hạn chế: Còn 04/19 chỉ tiêu kinh tế chủ yếu chưa đạt kế hoạch (lĩnh vực kinh tế 03 chỉ tiêu; văn hóa - xã hội 01 chỉ tiêu); công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng từng lúc, từng nơi chưa chặt chẽ, tình trạng người dân lấn chiếm đất nhà nước quản lý vẫn còn xảy ra chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời ngay từ ban đầu; còn xảy ra tình trạng vi phạm trong lĩnh vực khai thác thủy hải sản và 05 trường hợp chở thuê thiết bị giám sát hành trình cho phương tiện khác. Tình hình vi phạm trật tự xã hội, an toàn giao thông và các tệ nạn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn biến khá phức tạp; công tác phòng, chống cháy nổ và công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm có lúc chưa đảm bảo, xảy ra 01 vụ nghi ngộ độc thực phẩm và 01 vụ cháy nhà dân.

- Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:

+ Nguyên nhân khách quan: Thời tiết diễn biến bất thường, ngư trường khai thác hải sản ngày càng giảm, giá nguyên liệu tăng cao trong thời gian dài nhiều phương tiện ngưng hoạt động nên sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản chưa đạt kế hoạch, giá các mặt hàng thủy, hải sản trên địa bàn giảm, kéo theo giá trị sản xuất giảm; do kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, hiện nay còn 02 xã chưa được đầu tư điện lưới quốc gia; du lịch phát triển nhưng chưa bền vững; quy hoạch vùng nuôi chưa được phê duyệt... nên người dân và doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư các công trình, dự án lớn trên địa bàn đã ảnh hưởng đến nguồn vốn huy động đầu tư phát triển toàn xã hội. Một số công trình triển khai chậm do vướng cơ chế, chính sách về đất đai, xây dựng, đầu giá, đầu thầu, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thi công.

+ Nguyên nhân chủ quan: Trong chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân huyện, Thường trực UBND huyện từng lúc, từng việc có mặt chưa kịp thời, công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên, nhất là công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng. Lãnh đạo một vài ngành và xã thiếu quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành; chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong việc rà soát, nắm bắt thông tin để dự báo tình hình trước khi xây dựng chỉ tiêu kế hoạch về lĩnh vực văn hóa - xã hội nên còn 01 chỉ tiêu chưa đạt, đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Ý thức chấp hành pháp luật về đất đai, xây dựng, thủy sản, trật tự xã hội của một số người dân chưa nghiêm nên xảy ra tình trạng vi phạm.

2.8. Đánh giá những mặt đạt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.8.1. Những mặt đạt được

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Kiên Hải đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 là cơ sở để thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai như: giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất theo đúng quy định của Luật Đất đai; giảm thiểu tình trạng giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất ngoài quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; từ đó làm giảm tình trạng khiếu nại, khiếu kiện trong sử dụng đất, giúp ổn định tình hình an ninh, trật tự, chính trị ở địa phương.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Kiên Hải được sự quan tâm, kiểm tra và giám sát của Ủy ban nhân dân huyện; Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường thực hiện tốt công tác quản lý các dự án và tham mưu cho UBND huyện để thực hiện dự án và công tác phối hợp các phòng ban/các xã ngày càng chặt chẽ.

Công tác quy hoạch kế hoạch sử dụng đất từng bước được quan tâm, việc quản lý sử dụng đất từng bước đi vào nề nếp, chặt chẽ tuân thủ pháp luật, góp phần ổn định kinh tế xã hội an ninh quốc phòng của huyện.

2.8.2. Những tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 vẫn còn nhiều tồn tại như sau:

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt người có nhu cầu sử dụng đất chậm thực hiện hiện thủ tục về đất đai nhất là trong việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Một số công trình, dự án triển khai thực hiện dự án kéo dài, nhất là các dự án lớn như: Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre; Trung tâm thương mại An Sơn.; Khu lấn biển Hòn Ngang,... chưa thực hiện xong năm kế hoạch. Từ đó, một số chỉ tiêu sử dụng đất không đạt hoặc đạt thấp so với kế hoạch sử dụng đất 2024 được duyệt.

- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng cao. Hơn nữa trong những năm qua với chính sách giảm chi tiêu công và những khó khăn của doanh nghiệp nên ảnh hưởng đến nguồn vốn ngân sách cũng như nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện dự án.

2.8.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện KHSDD năm 2024

*** Nguyên nhân khách quan**

- Huyện Kiên Hải địa hình đảo hiểm trở, xa đất liền, các đảo nằm độc lập, gây khó khăn cho việc đi lại và xây dựng các công trình trên địa bàn huyện.

- Công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại huyện đảo còn nhiều khó khăn, vướng mắc do giá bồi thường, hỗ trợ về đất đai, vật kiến trúc còn thấp so với giá thực tế nên đa số các hộ dân không đồng thuận về giá dẫn đến thời gian lập phương án kéo dài, làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất.

- Một số người dân nhận thức về pháp luật đất đai còn hạn chế, chưa hợp tác với các cơ quan chức năng trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ thu hồi đất và thực hiện dự án.

- Các văn bản pháp lý liên quan đến đất đai thay đổi nên cũng gây rất nhiều lúng túng trong triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, phải lùi tiến độ thực hiện.

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức trên địa bàn huyện còn khó khăn vướng mắc do diện tích đất được phê duyệt trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật trước đây với diện tích xin cấp giấy chưa phù hợp nên chưa thực hiện được thủ tục.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các công trình dự án của một số ngành, địa phương tương đối đáp ứng đủ, đúng với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhưng do chưa dự báo được chính xác nguồn vốn đầu tư. Mặt khác, nguồn vốn đầu tư xây dựng của huyện phần lớn phụ thuộc vào ngân sách của Trung ương và tỉnh nên khi nguồn vốn gặp khó khăn dẫn đến không thực hiện được các công trình, dự án như đã đăng ký.

- Nguồn vốn không đủ để triển khai đồng loạt các công trình dự án, ưu tiên bố trí vốn cho các công trình cấp thiết.

- Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân thực hiện chưa cao do phải phụ thuộc vào khả năng về tài chính vào từng thời điểm của hộ gia đình, cá nhân hoặc một số nơi người sử dụng đất muốn chuyển mục đích nhưng vị trí đất cần chuyển không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2.8.4. Bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho công tác lập Kế hoạch sử dụng đất của huyện Kiên Hải như sau:

Trong quá trình lập kế hoạch sử dụng đất cần kết nối chặt chẽ với Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch xây dựng, hiện trạng sử dụng đất,... bám sát nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp, của các tổ chức cá nhân; các công trình dự án đã có chủ trương đầu tư, khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện trong năm kế hoạch.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xử lý nghiêm các trường hợp giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất đặc biệt từ đất rừng phòng hộ sang các loại đất khác.

Quản lý chặt chẽ các trường hợp chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân, ghi nhận nhu cầu thực hiện đối với những trường hợp có đầy đủ hồ sơ pháp lý: đơn đăng ký, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lục, trích đo thửa đất tọa độ VN-2000.

Kịp thời tổng hợp, nắm bắt nhu cầu sử dụng đất phát sinh sau khi Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt để tiến hành điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Kiên Hải được xây dựng dựa trên việc đánh giá kết quả thực hiện các công trình, dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện tại Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 và kết quả đăng ký nhu cầu sử dụng đất các ngành, các cấp có liên quan, nhu cầu đăng ký chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân; đồng thời cân nhắc khả năng đầu tư thực hiện trong năm 2025 nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

Tổng hợp danh mục công trình, dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 26 công trình, dự án gồm:

Bảng 16. Danh mục công trình dự án thực hiện trong KHSDD năm 2025

STT	Hạng mục	Công trình điều chỉnh từ 2022, 2023 sang 2025	Công trình chuyển tiếp	Công trình đăng ký mới
1	Công trình dự án thu hồi đất	4	1	
2	Công trình dự án chuyển mục đích	1	3	1
3	Công trình đấu giá		2	
4	Công trình lấn biển		2	
5	Công trình kêu gọi đầu tư		1	
6	Công trình giao đất		9	
7	Công trình cho thuê đất		2	
	TỔNG CỘNG	5	20	1

Bảng 17. Danh mục công trình đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích KH (ha)	Diện tích HT (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (cấp xã)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)		
1	Khu du lịch Nghi dưỡng Trung Sơn - Trung Sơn Sea View Resort	TMD	1,35		1,35	SKC	Lại Sơn	'- Đơn đăng ký nhu cầu thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Trung Sơn, tại xã Lại Sơn, huyện Kiên Hải của Công ty TNHH SX giống thủy sản Trung Sơn ngày 10/10/2024; - Quyết định số 2703/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư cấp lần đầu ngày 31/10/2016 (điều chỉnh lần thứ 2 ngày 8/10/2024)

Bảng 18. Chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Hải

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng diện tích tự nhiên		2.482,98	486,63	1.087,05	711,90	197,40
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	1.887,80	283,56	880,94	557,76	165,54
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	624,33	174,66	313,83	68,35	67,49
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.263,47	108,90	567,11	489,41	98,05
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	281,50	83,11	73,86	93,33	31,20
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	84,19	30,26	25,20	15,96	12,77
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	5,00	3,78	0,12	0,40	0,70
2.4	Đất quốc phòng	CQP	32,60	4,05	0,97	26,44	1,14
2.5	Đất an ninh	CAN	1,34	1,23	0,07		0,04
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	7,89	3,70	2,01	1,28	0,90
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,58	1,24	0,83	0,28	0,23
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,02	0,02			
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,66	0,34	0,18	0,06	0,08
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3,94	1,60	0,91	0,84	0,59
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,69	0,50	0,09	0,10	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	43,84	3,87	15,70	18,69	5,58
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	37,20	3,87	14,90	12,85	5,58
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	6,64		0,80	5,84	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	90,45	31,12	22,77	27,61	8,95
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	72,07	22,10	22,48	19,82	7,67

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	6,61		0,03	6,58	
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,68	0,53			0,15
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	1,59	1,57		0,02	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,82	3,64		0,09	0,09
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,47	0,33	0,05	0,04	0,05
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,34	0,15	0,07	0,04	0,08
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,51	0,43	0,07	0,27	0,74
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	3,36	2,37	0,07	0,75	0,17
2.9	Đất tôn giáo	TON	2,94	2,13	0,60		0,21
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	2,22	0,19	1,10	0,02	0,91
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	5,11	1,87	0,61	2,63	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	5,92	0,91	4,71	0,30	
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	4,31	0,72	3,35	0,24	
2.12.3	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,61	0,19	1,36	0,06	
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	313,68	119,96	132,25	60,81	0,66
	<i>Trong đó:</i>						
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	2,03		1,36	0,03	0,64
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	280,67	119,96	99,92	60,77	0,02
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	30,98		30,97	0,01	
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS					

3.2. Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân

Diện tích chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân năm 2025 được tổng hợp từ diện tích chuyển mục đích chuyển tiếp năm 2024 10,47 ha và nhu cầu của hộ gia đình cá nhân đăng ký chuyển mới trong năm 2025 9,81 ha. Cụ thể:

- Diện tích đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất ở tại nông thôn là 2,08 ha
- Diện tích đất xây dựng cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn 0,03 ha
- Diện tích đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất thương mại dịch vụ là 16,67 ha
- Diện tích đất ở tại nông thôn chuyển sang đất thương mại dịch vụ là 1,5 ha

Bảng 19. Nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân năm 2025

STT	Địa điểm (cấp xã)	CLN/ONT	SKC/ONT	CLN/TMD	ONT/TMD
1	Hòn Tre	0,02	0	0,16	0
2	Lại Sơn	1,69	0,03	9,43	0
3	An Sơn	0,1	0	3,03	1,4
4	Nam Du	0,27	0	4,05	0,1
Tổng cộng		2,08	0,03	16,67	1,5

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và nhu cầu hộ gia đình, cá nhân, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn huyện Kiên Hải như sau:

Bảng 20. Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 so với hiện trạng sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	KHSDD năm 2025	Biến động sử dụng đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	Tổng diện tích tự nhiên		2.474,91	2.482,98	8,07
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	1.925,26	1.887,80	-37,46
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	650,12	624,33	-25,79
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.275,14	1.263,47	-11,67
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	196,85	281,50	84,65
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	64,40	84,19	19,79
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,88	5,00	0,12
2.4	Đất quốc phòng	CQP	32,64	32,60	-0,04
2.5	Đất an ninh	CAN	1,34	1,34	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	5,44	7,89	2,45
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,35	2,58	1,23
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,02	0,02	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,44	0,66	0,22
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	2,94	3,94	1,00
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,69	0,69	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	10,08	43,84	33,76
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,96	37,20	30,24
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,12	6,64	3,52
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	69,98	90,45	20,47
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	53,74	72,07	18,33
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	10,02	6,61	-3,41
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		0,68	0,68
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	1,59	1,59	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,71	3,82	0,11
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,26	0,47	0,21
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,34	0,34	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,12	1,51	1,39
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,20	3,36	3,16
2.9	Đất tôn giáo	TON	2,94	2,94	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	KHSDD năm 2025	Biến động sử dụng đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	2,22	2,22	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	1,08	5,11	4,03
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1,85	5,92	4,07
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	0,24	4,31	4,07
2.12.3	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,61	1,61	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	352,80	313,68	-39,12
	<i>Trong đó:</i>				
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	39,66	2,03	-37,63
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	282,16	280,67	-1,49
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	30,98	30,98	

* Tổng diện tích tự nhiên

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 tổng diện tích tự nhiên của huyện Kiên Hải (bao gồm diện tích lấn biển) là 2.482,98 ha, tăng 8,07 ha so với năm 2024 *do lấn biển để thực hiện dự án Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn (3,29 ha) và Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre (phần diện tích lấn biển là 4,78 ha)*

a) Đất nông nghiệp

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất nông nghiệp của huyện Kiên Hải là 1.887,80 ha, giảm 37,46 ha so với năm 2024 do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của huyện. Cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

(1) Đất trồng cây lâu năm

Diện tích đất trồng cây lâu năm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Kiên Hải là 624,33 ha, giảm 25,79 ha so với năm 2024 do chuyển sang đất ở tại nông thôn 2,08 ha; đất thương mại dịch vụ 22,54 ha; đất công trình giao thông 0,11 ha; đất công trình cấp nước, thoát nước 0,04 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,68 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,34 ha.

(2) Đất rừng phòng hộ

Diện tích đất rừng phòng hộ trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Kiên Hải là 1.263,47 ha, giảm 11,67 ha so với năm 2024 do chuyển sang đất quốc phòng 0,98 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 6,0 ha; đất công trình giao thông 2,40 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 2,29 ha, để thực hiện các công trình, dự án như: Dự án Quy hoạch chi tiết KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/QK9 tại xã Nam Du; Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn; Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5km); Công ty Cổ phần tập đoàn Mavin.

b) Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 281,50 ha (bao gồm diện tích lấn biển 8,07 ha), tăng thêm 84,65 ha so với năm 2024. Đất phi nông nghiệp

tăng là phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh của huyện Kiên Hải. Cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

(1) Đất ở tại nông thôn

Diện tích đất ở tại nông thôn (bao gồm diện tích lấn biển) của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 84,19 ha, tăng 19,79 ha so với năm 2024.

- Diện tích tăng 21,42 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm 2,08 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,21 ha; đất chưa sử dụng 15,84 ha; lấn biển 3,29 ha chuyển sang để thực hiện 05 công trình dự án và phục vụ nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân:

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Đấu giá thửa TĐ 03-2020 (106-26)	0,01	0,01		ONT	Hòn Tre
2	Đất ở tại nông thôn Trung tâm thương mại An Sơn	0,18		0,18	SKC	An Sơn
3	Đất ở tại nông thôn trong Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn	1,3		1,3	Lấn biển	An Sơn
4	Đất ở tại nông thôn trong Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre	15,76		15,76	Lấn biển:1,99, BCS:13,77	Hòn Tre
5	Đất ở tại nông thôn trong Khu lấn biển Hòn Ngang	4,65	2,58	2,07	BCS	Nam Du
6	Nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở tại nông thôn	2,11		2,11	CLN: 2,08 SKC:0,03	Toàn huyện
	Tổng cộng	24,01	2,59	21,42		

- Diện tích giảm 1,63 ha do chuyển sang đất quốc phòng 0,05 ha; đất công trình giao thông 0,06 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha; đất thương mại dịch vụ 1,5 ha.

(2) Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 5,0 ha, tăng 0,12 ha so với năm 2024 do nhận từ đất ở tại nông thôn 0,02 ha; đất chưa sử dụng 0,1 ha chuyển sang để thực hiện

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan trong dự án Mở rộng khu dân cư Hòn Tre	0,1		0,1	BCS	Hòn Tre
2	Nhà tập thể ủy ban huyện	0,02		0,02	ONT	Hòn Tre
3	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 2	0,02	0,02		TSC	Hòn Tre
	Tổng cộng	0,14	0,02	0,12		

(3) Đất quốc phòng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất quốc phòng của huyện Kiên Hải là 32,60 ha, giảm 0,04 ha so với năm 2024.

- Diện tích giảm 1,07 ha do chuyển sang đất giao thông.

- Diện tích tăng 1,03 ha do nhận từ đất rừng phòng hộ 0,98 ha; đất ở tại nông thôn 0,05 ha chuyển sang để thực hiện Dự án Quy hoạch chi tiết KTCP biển, đảo Tây Nam Bộ/QK9.

(4) Đất an ninh

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất an ninh của huyện Kiên Hải là 1,34 ha, sử dụng ổn định so với hiện trạng năm 2024.

(5) Đất xây dựng công trình sự nghiệp

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp của huyện Kiên Hải là 7,89 ha, tăng 2,45 ha so với năm 2024 do nhận từ đất bằng chưa sử dụng 2,19 ha; lấn biển 0,26 ha chuyển sang để thực hiện các công trình cụ thể:

(5.1) Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa của huyện Kiên Hải trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 2,58 ha, tăng 1,23 ha so với năm 2024, do nhận từ đất chưa sử dụng chuyển sang để thực hiện:

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre	0,90		0,9	BCS	Hòn Tre
3	Trung tâm văn hóa huyện (Trong Mở rộng lấn biển Hòn Tre)	0,33		0,33	BCS	Hòn Tre
	Tổng cộng	1,23		1,23		

(5.2) Đất xây dựng cơ sở xã hội

Diện tích đất xây dựng cơ sở xã hội của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,02 ha, sử dụng ổn định so với hiện trạng năm 2024.

(5.3) Đất xây dựng cơ sở y tế

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,66 ha, tăng 0,22 ha so với năm 2024, do nhận từ đất chưa sử dụng chuyển sang để thực hiện đất xây dựng cơ sở y tế trong Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre.

(5.4) Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (bao gồm diện tích lấn biển) của huyện Kiên Hải trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 3,94 ha, tăng 1,0 ha so với năm 2024 do nhận từ đất chưa sử dụng (0,74 ha); lấn biển (0,26 ha) chuyển sang để thực hiện đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre.

(5.5) Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao

Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao của huyện Kiên Hải năm 2025 là 0,69 ha, sử dụng ổn định so với hiện trạng năm 2024.

(6) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của huyện Kiên Hải trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 43,84 ha, tăng 33,76 ha so với năm 2024.

- Diện tích tăng 36,24 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm 22,54 ha; đất rừng phòng hộ 6,0 ha; đất ở tại nông thôn 1,50 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,66 ha; đất bằng chưa sử dụng 2,56 ha; lấn biển 1,98 ha.

- Diện tích giảm 2,48 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,21 ha; đất thương mại dịch vụ 1,66 ha; đất công trình giao thông 0,34 ha; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 0,27 ha.

(6.1) Đất thương mại, dịch vụ

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất thương mại dịch vụ (bao gồm diện tích lấn biển) của huyện Kiên Hải là 37,20 ha, tăng 30,24 ha so với năm 2024 do đất trồng cây lâu năm 22,54 ha; đất ở tại nông thôn 1,5 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,66 ha; đất chưa sử dụng 2,56 ha và lấn biển 1,98 ha chuyển sang để thực hiện các công trình dự án và phục vụ nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân:

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Xây dựng nhà chờ bến cập tàu Bãi Nhà, xã Lại Sơn	0,01		0,01	CLN	Lại Sơn
2	Khu phức hợp Bãi Cây Mến (Giai đoạn 1)	5,27		5,27	CLN	An Sơn
3	Đất thương mại, dịch vụ trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre	2,84		2,84	BCS: 1,82 Lấn biển: 1,02	Hòn Tre
4	Đất thương mại, dịch vụ trong Trung tâm thương mại An Sơn	0,31		0,31	SKC	An Sơn
5	Đất thương mại, dịch vụ trong Khu lấn biển Hòn Ngang	0,74		0,74	BCS	Nam Du
6	Đất thương mại, dịch vụ trong dự án Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn	0,96		0,96	Lấn biển	An Sơn
7	Khu du lịch Bãi Bằng	1,08	0,49	0,59	CLN	Lại Sơn
8	Khu du lịch Nghỉ dưỡng Trung Sơn - Trung Sơn Sea View Resort	1,35		1,35	SKC	Lại Sơn
9	Nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất thương mại dịch vụ	18,17		18,17	CLN:16,67 ONT:1,5	Toàn huyện
	Tổng cộng	30,73	0,49	30,24		

(6.2) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện Kiên Hải là 6,64 ha, tăng 3,52 ha so với năm 2024.

- Diện tích tăng 6,0 ha do nhận từ đất rừng phòng hộ chuyển sang để thực hiện dự án của Công ty Cổ phần tập đoàn Mavin.

tại xã An Sơn.

- Diện tích giảm 2,48 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 1,66 ha; đất công trình giao thông 0,34 ha; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 0,27 ha; đất ở tại nông thôn 0,21 ha.

(7) Đất sử dụng vào mục đích công cộng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng của huyện Kiên Hải là 90,45 ha, tăng 20,47 ha so với năm 2024.

- Diện tích tăng 23,92 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,83 ha; đất rừng phòng hộ 2,40 ha; đất ở tại nông thôn 0,06 ha; đất quốc phòng 1,07 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,61 ha; đất công trình giao thông 0,04 ha; đất công trình thủy lợi 0,06 ha; đất chưa sử dụng 16,31 ha; lấn biển 2,54 ha chuyển sang.

- Diện tích giảm 3,45 ha do chuyển sang đất công trình giao thông 0,02 ha; đất công trình cấp nước thoát nước 0,04 ha; đất công trình xử lý chất thải 0,04 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 3,35 ha. Tồng chỉ tiêu cụ thể như sau:

(7.1) Đất công trình giao thông

Diện tích đất công trình giao thông (bao gồm diện tích lấn biển) của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 72,07 ha, tăng 18,33 ha so với năm 2024.

- Diện tích tăng 18,37 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,11 ha; đất rừng phòng hộ 2,40 ha; đất ở tại nông thôn 0,06 ha; đất quốc phòng 1,07 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,34 ha; đất công trình thủy lợi 0,02 ha; đất chưa sử dụng 12,18 ha, lấn biển 2,19 ha chuyển sang để thực hiện các công trình, dự án sau:

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	0,97	0,02	0,95	CLN:0,11 ONT:0,03 DCS:0,02 DTL:0,02 RPH:0,77	An Sơn
2	Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km)	2,7		2,7	RPH: 1,63; CQP: 1,07	An Sơn
3	Đất giao thông trong Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre	11,88		11,88	BCS:10,57 Lấn biển:1,31	Hòn Tre
4	Đất giao thông trong Trung tâm thương mại An Sơn	0,34		0,34	SKC	An Sơn
5	Đất giao thông trong Khu lấn biển Hòn Ngang	1,59		1,59	BCS	Nam Du
6	Đất giao thông trong dự án Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn	0,88		0,88	Lấn biển	An Sơn
7	Đường ngang đảo Hòn Ngang	0,03		0,03	ONT	Nam Du
	Tổng cộng	18,39	0,02	18,37		

- Diện tích giảm 0,04 ha do chuyển sang đất công trình xử lý chất thải

(7.2) Đất công trình thủy lợi

Diện tích đất thủy lợi của huyện Kiên Hải trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 (bao gồm lấn biển) là 6,61 ha, giảm 3,41 ha so với hiện trạng năm 2024 do chuyển sang đất công trình giao thông 0,02 ha thực hiện Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn và thống kê sang đất công trình cấp nước, thoát nước 0,04 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 3,35 ha do thay đổi mã loại đất theo Thông tư 29/2024 ngày 12/12/2024.

(7.3) Đất công trình cấp nước, thoát nước

Diện tích đất công trình cấp nước, thoát nước của huyện Kiên Hải trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,68 ha, tăng 0,68 ha so với hiện trạng năm 2024 do nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,04 ha; đất công trình thủy lợi 0,04 ha; đất chưa sử dụng 0,56 ha; lấn biển 0,04 ha để thực hiện các công trình dự án:

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Đất công trình cấp nước, thoát nước trong Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre	0,35		0,35	Lấn biển:0,04; BCS:0,31	Hòn Tre
2	Bồn chứa nước (Áp 3)	0,04		0,04	CLN	Hòn Tre
3	Nhà máy nước xã Hòn Tre (Trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre)	0,14		0,14	BCS	Hòn Tre
4	Trạm cấp nước Hòn Mấu (xã Nam Du)	0,04		0,04	DTL	Nam Du
5	Đất công trình cấp nước, thoát nước trong Khu lấn biển Hòn Ngang	0,11		0,11	BCS	Nam Du
	Tổng cộng	0,68		0,68		

(7.4) Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên

Diện tích đất di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1,59 ha, sử dụng ổn định so với hiện trạng năm 2024.

(7.5) Đất công trình xử lý chất thải

Diện tích đất công trình xử lý chất thải của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 3,82 ha, tăng 0,11 ha so với năm 2024, do nhận từ đất giao thông 0,04 ha; đất chưa sử dụng (0,07 ha) chuyển sang để thực hiện Khu xử lý rác thải Hòn Tre (0,11 ha).

(7.6) Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng

Diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,47 ha, tăng 0,21 ha so với năm 2024, do nhận từ đất chưa sử dụng chuyển sang để thực hiện đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng trong Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre.

(7.7) Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin

Diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,34 ha, sử dụng ổn định so với hiện trạng năm 2024.

(7.8) Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối

Diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1,51 ha, tăng 1,39 ha so với năm 2024, do nhận từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,27 ha; đất chưa sử dụng 1,12 ha chuyển sang để thực hiện các công trình, dự án sau:

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre	0,38		0,38	BCS	Hòn Tre
2	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối trong Trung tâm thương mại An Sơn	0,27		0,27	SKC	An Sơn
3	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối trong Khu lấn biển Hòn Ngang	0,74		0,74	BCS	Nam Du
	Tổng cộng	1,39		1,39		

(7.9) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng (bao gồm lấn biển) của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 3,36 ha, tăng 3,16 ha so với năm 2024 do nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,68 ha; đất chưa sử dụng 2,17 ha; lấn biển 0,31 ha chuyển sang để thực hiện các công trình, dự án sau:

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng trong Mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre	2,16		2,16	BCS:2,0 Lấn biển:0,16	Hòn Tre
2	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng trong dự án Khu lấn biển Hòn Ngang	0,17		0,17	BCS	Nam Du
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao trên địa bàn xã An Sơn	0,60		0,60	CLN	An Sơn
4	Công viên xã Hòn Tre	0,08		0,08	CLN	Hòn Tre
5	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng trong Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn	0,15		0,15	Lấn biển	An Sơn
	Tổng cộng	3,16		3,16		

(8) Đất tôn giáo

Diện tích đất cơ sở tôn giáo của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 2,94 ha, sử dụng ổn định so với hiện trạng năm 2024.

(9) Đất tín ngưỡng

Diện tích đất tín ngưỡng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 2,22 ha, sử dụng ổn định so với hiện trạng năm 2024.

(10) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt

Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 5,11 ha, tăng 4,03 ha so với năm 2024, do nhận từ đất trồng cây lâu năm 0,34 ha; đất rừng phòng hộ 2,29 ha, đất chưa sử dụng 1,40 ha chuyển sang để thực hiện:

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	2,63		2,63	RPH: 2,29; CLN: 0,34	An Sơn
2	Nghĩa trang nhân dân xã Hòn Tre	1,40		1,40	DCS: 1,4	Hòn Tre
	Tổng cộng	4,03		4,03		

(11) Đất có mặt nước chuyên dùng

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 5,92 ha, tăng 4,07 ha so với hiện trạng do diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá tăng.

(11.1) Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 4,31 ha, tăng 4,07 ha so với năm 2024 do nhận từ đất chưa sử dụng 0,72 ha và do thống kê từ đất thủy lợi 3,35 ha (thay đổi mã loại đất theo Thông tư 29/2024 ngày 12/12/2024) để thực hiện các công trình dự án:

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá trong Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre	0,72		0,72	BCS	Hòn Tre
2	Hồ chứa nước Bãi Nhà	3,35		3,35	DTL	Lại Sơn
	Tổng cộng	4,07		4,07		

(11.2) Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Diện tích trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1,61 ha, sử dụng ổn định so với năm 2024.

c) Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 313,68 ha, chiếm 12,64% trong tổng diện tích tự nhiên, giảm 39,12 ha so với năm 2024. Cụ thể như sau:

(1) Đất bằng chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 2,03 ha, giảm 37,63 ha so với hiện trạng do chuyển sang đất ở tại nông thôn 15,84 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,1 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 1,23 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,22 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,74 ha; đất thương mại dịch vụ 2,56 ha; đất công trình giao thông 12,16 ha; đất công trình cấp nước, thoát nước 0,56 ha; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,21 ha; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 1,12 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 2,17 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,72 ha.

(2) Đất đồi núi chưa sử dụng

Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 280,67 ha, giảm 1,49 ha so với hiện trạng do chuyển sang đất công trình giao thông 0,02 ha; đất công trình xử lý chất thải 0,07 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 1,4 ha;

(3) Núi đá không có rừng cây

Diện tích núi đá không có rừng cây của huyện Kiên Hải trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 30,98 ha, sử dụng ổn định so với hiện trạng.

3.3. Diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch

Trong năm 2025, tổng diện tích đất cần thu hồi là 6,25 ha. Cụ thể:

- Thu hồi đất nông nghiệp 6,12 ha gồm thu hồi đất trồng cây lâu năm 0,45 ha; đất rừng phòng hộ 5,67 ha.
- Thu hồi đất phi nông nghiệp 0,13 ha cụ thể: đất ở tại nông thôn 0,11 ha; đất công trình thủy lợi 0,02 ha.

Bảng 21. Diện tích đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(15)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	6,12			5,14	0,98
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,45			0,45	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	5,67			4,69	0,98
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	0,13			0,05	0,08
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,11			0,03	0,08
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	0,02			0,02	
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	0,02			0,02	

3.4. Diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch

- Để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất trên, trong năm 2025, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp là 37,46 ha. Cụ thể:

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 25,79 ha.

+ Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp là 11,67 ha.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp 1,87 ha

+ Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 0,21 ha

+ Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ 1,66 ha.

Bảng 22. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2025

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+....(15)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	37,46	0,30	11,72	20,14	5,30
	<i>Trong đó:</i>						
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	25,79	0,30	11,72	9,45	4,32
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	11,67			10,69	0,98
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp	-	1,87		1,38	0,49	
	<i>Trong đó:</i>	-					
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC					
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	0,21		0,03	0,18	
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK					
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK					
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	1,66		1,35	0,31	

3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2025 là 39,12 ha. Cụ thể như sau:

Bảng 23. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+... (15)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP					
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	39,12	33,68		0,02	5,42

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(15)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	15,84	13,77			2,07
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,1	0,1			
2.4	Đất quốc phòng	CQP					
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	2,19	2,19			
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,23	1,23			
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,22	0,22			
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,74	0,74			
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2,56	1,82			0,74
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,56	1,82			0,74
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	16,31	13,68		0,02	2,61
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	12,18	10,57		0,02	1,59
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,56	0,45			0,11
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,07	0,07			
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,21	0,21			
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,12	0,38			0,74
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2,17	2,0			0,17
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	1,4	1,4			
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	0,72	0,72			
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	0,72	0,72			

3.6. Diện tích lần biến đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch

Diện tích lần biến đưa vào sử dụng trong năm 2025 là 8,07 ha. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(15)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP					
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	8,07	4,78		3,29	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã Hòn Tre	Xã Lại Sơn	Xã An Sơn	Xã Nam Du
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(15)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	3,29	1,99		1,3	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,26	0,26			
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,26	0,26			
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1,98	1,02		0,96	
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,98	1,02		0,96	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2,54	1,51		1,03	
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	2,19	1,31		0,88	
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,04	0,04			
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,31	0,16		0,15	

3.7. Danh mục các công trình dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch

a) Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
I	Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch							
*	Công trình thu hồi đất							
1	Dự án Quy hoạch chi tiết KTQP biên, đảo Tây Nam Bộ/QK9	CQP	1,03		1,03	RPH: 0,98 ONT:0,05	Nam Du	Thửa số 2, 4, 20 tờ bản đồ 1
2	Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5 km)	DGT	2,70		2,70	RPH: 1,63; CQP: 1,07	An Sơn	Thửa số 8, 9, 12 tờ bản đồ số 2
3	Đường ngang đảo Hòn ngang	DGT	0,03		0,03	ONT	Nam Du	Thửa số 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 49, 50, 52, 53, 139, 286, 140, 150, 151, 152, 160, 97 tờ bản đồ số 13
		ONT	1,3		1,3			
*	Danh mục giao đất							
4	Trung tâm văn hóa huyện (Trong Mỏ rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre)	DVH	0,33	0	0,33	BCS	Hòn Tre	Tờ bản đồ số 18
5	Bồn chứa nước (Ấp 3)	DCT	0,04		0,04	CLN	Hòn Tre	Tờ bản đồ số 7
6	Nhà máy nước xã Hòn Tre (Trong Mỏ rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre)	DCT	0,14		0,14	BCS	Hòn Tre	Tờ bản đồ số 3

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
7	Trạm cấp nước Hòn Mấu (xã Nam Du)	DCT	0,04		0,04	DTL	Nam Du	Thửa số 25, 26 tờ bản đồ số 5; thửa số 116, 117 tờ bản đồ số 4
8	Hồ chứa nước Bãi Nhà	MNC	3,35		3,35	DTL	Lại Sơn	Thửa số 58 tờ bản đồ số 4

b) Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai:

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
1	Đường vào Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	DGT	0,97	0,02	0,95	CLN: 0,11; ONT: 0,03; DCS: 0,02; DTL: 0,02 RPH: 0,77;	An Sơn	Thửa số 22, 23, 40, 124, 143 tờ bản đồ số 4; thửa số 11 tờ bản đồ số 2
2	Nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	NTD	2,63		2,63	RPH: 2,29; CLN: 0,34	An Sơn	Thửa số 23, 39, 125 tờ bản đồ số 4

c) Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II Biểu này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch.

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
*	Công trình chuyển mục đích sử dụng đất							
1	Công ty Cổ phần tập đoàn Mavin	SKC	6,0		6,0	RPH	An Sơn	Thửa số 1 tờ bản đồ số 2
2	Xây dựng nhà chờ bến cập tàu Bãi Nhà, xã Lại Sơn	TMD	0,01		0,01	CLN	Lại Sơn	Thửa số 159 tờ bản đồ số 27
3	Khu phức hợp Bãi Cây Mên (Giai đoạn 1)	TMD	5,27		5,27	CLN	An Sơn	Thửa số 47 tờ bản đồ số 5
4	Khu du lịch Nghỉ dưỡng Trung Sơn - Trung Sơn Sea View Resort	TMD	1,35		1,35	SKC	Lại Sơn	Thửa số 187, 189 tờ bản đồ số 5
5	Khu du lịch Bãi Bàng	TMD	1,08	0,49	0,59	CLN	Lại Sơn	Thửa số 111, 239 tờ bản đồ số 5

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
*	Danh mục lấn biển							
6	Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn		3,29		3,29	Lấn biển	An Sơn	Thửa số 38, 99, 103 tờ bản đồ số 13
		TMD	0,96		0,96			
		DGT	0,88		0,88			
		DKV	0,15		0,15			
		ONT	1,3		1,3			
*	Danh mục kêu gọi đầu tư							
7	Khu lấn biển Hòn Ngang		8,00	2,58	5,42		Nam Du	Thửa số 25, 73, 74 tờ bản đồ số 3
		ONT	4,65	2,58	2,07	BCS		
		TMD	0,74		0,74	BCS		
		DCH	0,74		0,74	BCS		
		DGT	1,59		1,59	BCS		
		DCT	0,11		0,11	BCS		
		DKV	0,17		0,17	BCS		
8	Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre (Tổng diện tích là 36,99 ha trong đó: 32,21 ha hiện trạng là đất CSD và 4,78 ha diện tích lấn biển)		36,52		36,52		Hòn Tre	Thửa số 239 tờ bản đồ số 3; tờ bản đồ số 6, 16, 19, 24, 26, 27
		ONT	15,76		15,76	Lấn biển: 1,99; BCS: 13,77		
		DGD	1,00		1,00	Lấn biển: 0,26; BCS: 0,74		
		TMD	2,84		2,84	Lấn biển: 1,02; BCS: 1,82		
		DGT	11,88		11,88	Lấn biển: 1,31; BCS: 10,57		
		DKV	2,16		2,16	Lấn biển: 0,16; BCS: 2,0		
		DCT	0,35		0,35	Lấn biển: 0,04; BCS: 0,31		
		DVH	0,90		0,90	BCS		
		DYT	0,22		0,22	BCS		
		TSC	0,10		0,10	BCS		
		DNL	0,21		0,21	BCS		
		MNC	0,72		0,72	BCS		
		DCH	0,38		0,38	BCS		
*	Công trình thực hiện đầu giá							
9	Trung tâm thương mại An Sơn.		1,10		1,10	SKC	An Sơn	Thửa số 36, 70, 117, 118, 119, 120, 121, 122 tờ bản đồ số 9
		ONT	0,18		0,18			
		DCH	0,27		0,27			
		DGT	0,34		0,34			
		TMD	0,31		0,31			

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
10	Đấu giá thừa TD 03-2020 (106-26)	ONT	0,01	0,01		ONT	Hòn Tre	Thửa số 106 tờ bản đồ số 26
*	Danh mục thuê đất							
11	Khu xử lý rác thải Hòn Tre	DRA	3,20	3,09	0,11	DCS:0,07; DGT: 0,04	Hòn Tre	Thửa số 11 tờ bản đồ số 2
12	Nghĩa trang nhân dân xã Hòn Tre	NTD	1,40		1,40	DCS: 1,4	Hòn Tre	Thửa số 25 tờ bản đồ số 1
*	Danh mục giao đất							
13	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao trên địa bàn xã An Sơn	DKV	0,6		0,60	CLN	An Sơn	Thửa số 3, 4, 5 tờ bản đồ số 16
14	Công viên xã Hòn Tre	DKV	0,08		0,08	CLN	Hòn Tre	Thửa số 149, 210, 229, 150, 215, 151, 152, 171, 154, 155, 156, 157, 159, 222 tờ bản đồ số 18
15	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp 2	TSC	0,02	0,02		TSC	Hòn Tre	Thửa số 8, tờ bản đồ số 27
16	Nhà tập thể ủy ban huyện	TSC	0,02		0,02	ONT	Hòn Tre	Thửa số 189 tờ bản đồ số 22

3.8 Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất năm 2025, tổng các khoản thu chi liên quan đến đất đai như sau:

Bảng 24. Dự kiến thu chi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Hải

STT	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền
I	Các khoản thu			398.595.000.000
1	Thu tiền khi chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở nông thôn	20.800,00	2.475.000	30.825.000.000
2	Thu tiền khi chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất thương mại, dịch vụ	225.400	1.485.000	186.570.000.000
4	Thu tiền khi đấu giá quyền sử dụng đất phi nông nghiệp	11.100	7.000.000	77.700.000.000
5	Thu tiền khi thực hiện cho thuê đất	46.000	2.475.000	103.500.000.000
II	Các khoản chi			16.668.400.000
1	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	4.500	415.000	5.541.900.000
2	Chi bồi thường khi thu hồi đất ở tại nông thôn	1.100	3.850.000	3.850.000.000
3	Hỗ trợ 3,0 lần đất nông nghiệp	5.600	544.500	7.276.500.000
III	Cân đối thu chi (I)-(II)			381.926.600.000

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

Ban hành quy định về quản lý đất đai gắn liền với bảo vệ môi trường, nhằm từng bước nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong quá trình quản lý, sử dụng đất.

Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn, trước khi phê duyệt dự án cần bắt buộc thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát khi các dự án đi vào hoạt động. Đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường trong cộng đồng địa phương và khách du lịch. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững. Tăng cường đầu tư cho công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, các hệ sinh thái và môi trường du lịch, đây là giải pháp có ý nghĩa quan trọng đảm bảo phát triển du lịch bền vững trong mối quan hệ với môi trường.

Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở trong việc triển khai và đảm bảo thi hành pháp luật về môi trường ở địa phương. Cập nhật thường xuyên những điểm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, đẩy mạnh công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện. Xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

Tăng cường chỉ đạo thu gom, xử lý rác thải nông thôn hợp vệ sinh, thực hiện tốt chương trình bảo vệ môi trường lồng ghép vào chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xúc tiến việc xây dựng khu xử lý rác, tập trung lò đốt rác cho các xã.

Chỉ đạo các ngành chuyên môn phối hợp với Huyện đoàn, các ban, ngành, đoàn thể huyện thường xuyên tổ chức phát động chiến dịch dọn vệ sinh môi trường ở tất cả các cơ quan, đơn vị, trường học, tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện tham gia vệ sinh tại các khu công cộng, xóm ấp, trụ sở làm việc...

Sở Tài nguyên và Môi trường; Công an Môi trường; Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải và các ban ngành có liên quan tăng cường công tác tuyên truyền truyền nâng cao nhận thức về việc bảo vệ môi trường đối với doanh nghiệp, người dân và du khách; công tác hướng dẫn, kiểm tra, xử lý đối với các cá nhân, tổ chức về việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường nói chung và môi trường du lịch nói riêng một cách nghiêm túc và chặt chẽ, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất đến việc ô nhiễm và các tác động khác đến môi trường.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án, khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”. Ưu tiên phân bổ nguồn vốn đối với các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 và được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Đầu tư trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện.

- Thẩm định, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất; công khai thông tin các dự án đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án

để người dân có thể kiểm tra giám sát; tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu và gia tăng nguồn thu ngân sách.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến việc sử dụng đất; huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vận động nguồn vốn nhân dân. Tạo môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi nhằm thu hút các nhà đầu tư từ bên ngoài và huy động các nguồn lực trong tỉnh. Phát triển dịch vụ tư vấn pháp lý để nâng cao năng lực hội nhập của doanh nghiệp. Tiếp tục tạo mọi điều kiện thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có đủ năng lực tham gia đầu tư, xây dựng các dự án mang tính đột phá, cấp thiết nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Chú trọng việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên môi trường. Thường xuyên mở các lớp tập huấn, đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai cấp huyện, cán bộ địa chính xã để đáp ứng yêu cầu về đội mới ngành. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất các cấp.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

a) Giải pháp về tuyên truyền

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải chỉ đạo các phòng ban, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã; đồng thời thực hiện tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tại các buổi sinh hoạt chuyên đề, buổi họp tại các ấp để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện đúng kế hoạch được duyệt.

- Tiếp tục tuyên truyền các quy định mới theo Luật Đất đai năm 2024 về công tác quy hoạch, kế hoạch về quyền lợi, trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân trong sử dụng đất đai để tránh tình trạng quy hoạch treo, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tự nguyện hiến đất nhằm xây dựng các dự án hạ tầng cơ sở - hạ tầng xã hội, phục vụ lợi ích chung của địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; chủ động nguồn vốn, nguồn lực sẵn có của địa phương.

b) Giải pháp về chính sách

- Thực hiện những chính sách ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề đối với những hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, để đảm bảo nhu cầu an sinh xã hội.

- Công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng cần phải được thực hiện công khai, đúng trình tự theo quy định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc chủ sử dụng, kiểm đếm chính xác, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời, cần có những giải pháp, chính sách hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi như:

- + Khi thu hồi đất phải đảm bảo quỹ đất để phục vụ tái định cư, tạm cư cho người dân có đất bị thu hồi (khu tái định cư, tạm cư phải được xây dựng phù hợp với tập quán

định cư; phải xây dựng nhiều mức nhà, mức đất để người dân có quyền lựa chọn),

+ Hướng dẫn, đào tạo cho nông dân chuyển đổi hình thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, mang lại thu nhập cao từ nông nghiệp. Tăng cường đào tạo, hướng nghiệp, nhất là đào tạo nghề tại chỗ; đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người nông dân mất đất sản xuất sang các ngành nghề phi nông nghiệp như: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

- Đối với những dự án có tính đặc thù riêng, đang vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường (mà chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có hoặc chưa có quy định cụ thể) thì phải xin ý kiến Hội đồng thẩm định bồi thường cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để tháo gỡ, nhằm giảm bớt việc khiếu nại, khiếu kiện của người dân, đồng thời đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

4.4. Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện

a) Giải pháp chung về tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải trực tiếp chỉ đạo các ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn tổ chức công bố công khai và đồng thời chỉ đạo thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thực hiện thu hồi, hủy bỏ các dự án chậm triển khai, không khả thi hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; linh hoạt trong việc xúc tiến kêu gọi đầu tư tạo nguồn kinh phí để thực hiện.

- Định kỳ hàng năm có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 10.

- Tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất; thu hút các nhà đầu tư có kinh nghiệm, năng lực về tài chính và đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện các dự án về hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội theo phương thức xây dựng - chuyển giao, xã hội hóa như: xây dựng trường học, đường giao thông,...

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý thực hiện các công trình dự án; cần phối hợp chặt chẽ với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện đo đạc, kiểm kê tài sản, cây cối, hoa màu trên đất,... đồng thời, phải ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

b) Trách nhiệm của UBND huyện, các phòng ban, địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường:

+ Xây dựng cơ chế thống nhất giữa quản lý đất đai và bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho các tổ chức và cá nhân trong quá trình quản lý sử dụng đất.

+ Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật, đảm bảo cho việc sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt. Khi xem xét giải quyết giao đất, cho thuê đất cần phải tính đến năng lực thực hiện dự án của chủ đầu tư, nhằm đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ và khả thi. Tiếp tục rà soát việc quản lý, sử

dụng đất của tất cả các cơ quan, đơn vị, đất của các dự án được Nhà nước giao hoặc cho thuê. Kịp thời xử lý kiên quyết, dứt điểm đối với những dự án được giao, cho thuê đất nhưng không thực hiện đầu tư đúng thời gian quy định, sử dụng đất không hiệu quả, trái mục đích sử dụng được giao, gây lãng phí đất, tránh tình trạng lấn chiếm, sang nhượng đất trái phép.

+ Tổ chức công bố, công khai và thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025. Tham mưu cho UBND huyện ra các quyết định về đất đai và hướng dẫn các xã thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025 theo luật định. Không giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất không phù hợp với kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

+ Tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện để báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đến Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

- *Các ban ngành của huyện*: bám sát vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện đã được phê duyệt để tổ chức thực hiện, đôn đốc các tổ chức sử dụng đất do ngành quản lý thực hiện các thủ tục về đất đúng tiến độ và đúng theo kế hoạch sử dụng đất. Trường hợp có phát sinh các nhu cầu về đất, cần tiến hành các thủ tục đăng ký, xin chủ trương và sẽ bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025. Định kỳ có báo cáo tiến độ các công trình dự án do ngành quản lý đến Phòng Kinh tế - hạ tầng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

- *Ủy ban nhân dân các xã*: căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện đã được phê duyệt để triển khai thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn theo đúng các quy định của Luật Đất đai. Định kỳ có báo cáo tiến độ các công trình dự án do địa phương quản lý đến Phòng Kinh tế - hạ tầng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

- *Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất*: nhanh chóng tiến hành các thủ tục theo quy định để được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã được phê duyệt.

Cụ thể đối với các dự án công trình đăng ký thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025:

Để đảm bảo tiến độ thực hiện các công trình dự án được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, huyện cần tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2024, 2025 trên địa bàn huyện Kiên Hải. Đối với từng nhóm công trình, dự án cần có những giải pháp thực hiện cụ thể:

- Đối với công trình, dự án thu hồi đất cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tập trung tháo gỡ vướng mắc trong công tác thu hồi, thực hiện tốt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện.

- Đối với công trình, dự án chuyển mục đích và công trình dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất UBND huyện thực hiện rà soát, đôn đốc giám sát đầu tư và yêu cầu chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ, cam kết thực hiện để sớm đưa dự án vào sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Đối với công trình, dự án đấu giá quyền sử dụng đất, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhằm tạo nguồn thu ngân sách của huyện.

- Đối với công trình lấn biển đã hình thành gồm Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre và Khu lấn biển Hòn Ngang, Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo, thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường vật kiến trúc cho các hộ bị ảnh hưởng.

- Đối với danh mục Xây dựng kè, san lấp mặt bằng lấn biển mở rộng khu dân cư xã An Sơn tăng cường huy động, tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Đối với công trình giao đất, Ủy ban nhân dân các xã cần phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ, bản vẽ, trích đo để làm căn cứ hoàn thành thủ tục giao đất.

- Đối với công trình cho thuê đất, địa phương cần hỗ trợ, tạo điều kiện để Công ty Cổ phần Hòn Tre đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Đối với chỉ tiêu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện hướng dẫn, tạo điều kiện để người có nhu cầu thực hiện chuyển mục đích theo đúng Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Kiên Hải được xây dựng trên cơ sở: Các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện được phê duyệt tại Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang chưa thực hiện và chuyển tiếp sang; Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và hộ gia đình cá nhân. Qua những kết quả của báo cáo, có thể rút ra một số kết luận sau:

- Kết quả của phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã thể hiện cụ thể, chi tiết các công trình, dự án, diện tích các loại đất cần chuyển mục đích, diện tích đất cần thu hồi.

- Xác lập được sự ổn định về mặt pháp lý trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Là căn cứ để tiến hành thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng theo đúng pháp luật hiện hành, giúp cho các ngành có cơ sở pháp lý đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

- Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được xây dựng đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu đất đai để phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, đồng thời các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm đã được xác định đến từng đơn vị hành chính cấp xã đúng theo quy định của Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch kế hoạch sử dụng đất.

KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhất là những công trình cấp thiết được triển khai đầy đủ trong năm 2025, UBND huyện Kiên Hải kiến nghị:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang sớm phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Hải để đưa kế hoạch vào triển khai thực hiện, phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý đất đai tại địa phương.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh quan tâm tạo điều kiện về mọi mặt (về cơ chế, chính sách, về vốn đầu tư,...) cho huyện, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới, tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại địa phương./.